Ngày soạn:

**BÀI 3: SÔNG NÚI LINH THIÊNG**

**(Truyện truyền kì, Văn tế) – 11 tiết**

*(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 7,5 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết; Ôn tập: 0,5 tiết)*

**A. MỤC TIÊU CHUNG**

**1. Về kiến thức:**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,… đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.

– Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

– Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

**2. Về năng lực:**

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân.

– Năng lực sáng tạo: có những cảm nhận mới mẻ về văn bản.

**3. Về phẩm chất:** Có ý thức tôn trọng sự thật và có niềm tin vào chân lí.

**B. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**

**PHẦN 1: ĐỌC**

***CHUYỆN CHỨC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN***

***VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC***

***VỊNH TẢN VIÊN SƠN* (Đọc kết nối chủ điểm)**

***TRÊN ĐỈNH NON TẢN* (Đọc mở rộng thể loại)**

**Thời gian thực hiện: 6,5 tiết**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

*Thời gian thực hiện: 0.5 tiết*

GV soạn: Nguyễn Thị Diễm Hương

Trường: THPT Tân Hiệp, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực đặc thù**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,… đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.

– Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung VB.

– Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ VB.

**1.2. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết phối hợp với bạn cùng nhóm, thực hiện công việc nhóm nhỏ; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bảnthân.

– Năng lực sáng tạo: có những cảm nhận mới mẻ về VB.

**2. Phẩm chất**

Có ý thức tôn trọng sự thật và có niềm tin vào chân lí.

**II. KIẾN THỨC**

– Một số yếu tố trong truyện truyền kì; các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

– Một số đặc điểm của văn tế.

– Cách đọc truyện truyền kì.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học; máy chiếu (nếu có); giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm; PHT; sơ đồ, biểu bảng.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a*. Mục tiêu:*** Có hứng thú về chủ đề HT *Sông núi linh thiêng;* xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và nhiệm vụ HT về *Đọc* ở bài học này.

***b. Sản phẩm:***

– Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

– Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT của phần Đọc.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT*: HS đọc lướt nội dung phần Đọc (SGK, tr. 67 – 92)*,* xác định nội dung chủ điểm, thể loại chính và nhiệm vụ Đọc.

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo thảo luận:* 2 – 4 HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét câu trả lời của HS. GV nhắc lại tên chủ điểm *Sông núi linh thiêng,* thể loại chính *truyện truyền kì* (*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* – Nguyễn Dữ, *Trên đỉnh non Tản* (Nguyễn Tuân)*.* VB 2, 3: *Vịnh Tản Viên sơn* (Cao Bá Quát), *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu) là các VB kết nối chủ điểm.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động kích hoạt tri thức nền về truyện truyền kì**

**a*. Mục tiêu:*** Kích hoạt kiến thức nền về thể loại truyện truyền kì;

***b. Sản phẩm:*** Nội dung đã điền của cột K và W trong phiếu KWL.

***c. Tổ chức thực hiện:***

**Hoạt động 1:**

*\* Giao nhiệm vụ HT:*Nhóm 2 HS hoàn thành cột K và W của phiếu KWL sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| K  (Những điều em đã biết về thể loại *truyện truyền kì*) | W  (Những điều em muốn biết thêm về *truyện truyền kì*) | L  (Những điều em đã học được về thể loại *truyện truyền kì*) |
| Gơi ý: *Các em nhớ lại kiến thức đã học ở Bài 4, lớp 9* *để thực hiện.* |  |  |

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* Nhóm 2 HS thực hiện nhiệm vụ.

*\* Báo cáo, thảo luận:* 2 – 3 HS đại diện nhóm trình bày nội dung cột K và W của phiếu KWL. Nhóm HS khác bổ sung (nếu có). GV ghi chú tóm tắt nội dung trả lời của HS trên phiếu KWL chung của cả lớp (treo trên bảng hoặc chiếu trên màn hình).

*\* Kết luận, nhận định:* GV dựa trên cột K và W mà HS đã làm, xác định những vấn đề mà các em đã biết về thể loại truyện truyền kì; những vấn đề cần tìm hiểu thêm về thể loại này.

**2. Hoạt động tìm hiểu *Tri thức đọc hiểu*: *Truyện truyền kì***

**a*. Mục tiêu:***

– Nhận biết được một số yếu tố của truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật;

– Nhận biết được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian, truyện hiện đại.

***b. Sản phẩm:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:* Tìm đọc Tri thức về truyện truyền kì ở Bài 4, *Ngữ văn 9* (bộ sách Chân trời sáng tạo), kết hợp với *Tri thức Ngữ văn* SGK, tr. 67 – 68, nhóm 2 HS cùng bàn thực hiện PHT số 1. Lưu ý: GV nên giao bài tập này cho HS chuẩn bị trước ở nhà.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **TÌM HIỂU YẾU TỐ KÌ ẢO TRONG TRUYỆN TRUYỀN KÌ**  **1. Củng cố kiến thức về yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì**   |  |  | | --- | --- | | **Truyện truyền kì** | **Đặc điểm** | | ***Đề tài*** |  | | ***Không gian, thời gian*** |  | | ***Nhân vật*** |  | | ***Yếu tố kì ảo/ cốt truyện*** |  | |   **2. Yếu tố kì ảo trong truyện**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Tác dụng của yếu tố kì ảo | *Truyện dân gian* | *Truyện truyền kì* | *Truyện hiện đại* | | Nét chung |  | | | | Nét riêng |  |  |  | |

***\* Kết luận, nhận định:***

(1) GV nhận xét về thái độ HT của HS, có thể gợi nhắc lại kiến thức đã học về truyện truyền kì ở lớp 9, cơ bản như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| *Đề tài* | Cuộc sống của con người trong mối liên hệ với quỷ thần và trong sự dịch chuyển từ cõi trần sang cõi khác. |
| *Không gian, thời gian* | – Thế giới con người và thế giới thánh thần, ma, quỷ có sự tương giao; không gian truyện truyền kì đầy tinh ki ảo  – Có sự khác biệt về thời gian ở cõi trần với cõi âm ti, thuỷ phủ hoặc nơi thượng giới (biểu hiện qua nhịp độ nhanh, chậm của thời gian); con người có thể sống nhiều đời, nhiều cuộc đời hoặc sống nhờ các phép thuật kì ảo. |
| *Nhân vật* | Nhân vật có thể là con người hay thần linh, ma, quỷ,... Nếu nhân vật là con người, họ thường có nét đặc biệt nào đó; nếu nhân vật là thần linh, ma, quỷ, họ thường mang hình ảnh, tính cách của con người. |
| *Yếu tố kì ảo/ cốt truyện* | Truyện truyền kì thường sử dụng yếu tố kì ảo tạo nên những biến đổi bất ngờ và hợp lí hoá những điều ngẫu nhiên, bất bình thường trong cốt truyện. Cốt truyện sử dụng nhiều yếu tố kì ảo. |

(2) GV lưu ý HS:

– Trong truyện truyền kì, đằng sau những tình tiết kì ảo phi hiện thực, người đọc có thể nhận thấy những vấn đề cốt lõi của hiện thực cũng như những quan điểm và thái độ của tác giả đối với đời sống đương thời.

– Truyện dân gian: Yếu tố kì ảo được sử dụng nhằm để thể hiện hiện quan niệm dân gian về thế giới siêu nhiên hoặc niềm tin vào công lí. GV có thể dẫn chứng một vài yếu tố kì ảo trong truyện thần thoại, sử thi,... để chứng minh.

– Truyện hiện đại: các nhà văn sử dụng yếu tố kì ảo để thể hiện ý đồ nghệ thuật của mình.

**Tiết: - VĂN BẢN 1: CHUYỆN CHỨC PHÁN SỰ ĐỀN TẢN VIÊN**

**- Nguyễn Dữ-**

*Thời gian thực hiện: 2.5 tiết*

GV soạn: Phạm Thị Thùy Trang

Trường: THPT Trần Văn Ơn, ấp Phú Ngãi, xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, chủ đề, không gian, thời gian,… đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì.

- Phân tích được tính cách của Ngô Tử Văn, từ đó góp phần thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.

- Phân tích nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật,...

**2. Về năng lực:**

- Đọc, tóm tắt một tác phẩm tự sự trung đại.

- Phân tích nhân vật trong truyện truyền kì.

**3. Về phẩm chất**: Niềm tin chính nghĩa luôn thắng gian tà.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

– SGK, SGV.

– Một số tranh ảnh có liên quan đến bài học; máy chiếu (nếu có); giấy A0 để HS trình bày kết quả làm việc nhóm; PHT; sơ đồ, biểu bảng.

**2. Học liệu:**

Đối với giáo viên

* Giáo án;
* Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
* Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
* Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

Đối với học sinh

* SGK, SBT Ngữ văn 12.
* Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a*. Mục tiêu:*** Có hứng thú về chủ đề HT *Sông núi linh thiêng;* xác định được tên chủ điểm, thể loại chính và nhiệm vụ HT về *Đọc* ở bài học này.

***b. Sản phẩm:***

– Phần ghi chép của HS về tên chủ điểm của bài học, thể loại sẽ học.

– Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT của phần Đọc.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc lướt nội dung phần Đọc (SGK, tr. 67 – 92)*,* xác định nội dung chủ điểm, thể loại chính và nhiệm vụ Đọc.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận:** 2 – 4 HS trình bày câu trả lời. HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS. GV nhắc lại tên chủ điểm *Sông núi linh thiêng,* thể loại chính *truyện truyền kì* (*Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* – Nguyễn Dữ, *Trên đỉnh non Tản* (Nguyễn Tuân)*.* VB 2, 3: *Vịnh Tản Viên sơn* (Cao Bá Quát), *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu) là các VB kết nối chủ điểm.  \**Giáo viên cho HS xem thêm 1 video ngắn và thực hiện yêu cầu:* Xác định tên và thể loại của văn bản xuất hiện trong video  \*HS xem video và trả lời câu hỏi | - HS nắm đượcnội dung phần Đọc (SGK, tr. 67 – 92)*,* xác định nội dung chủ điểm, thể loại chính và nhiệm vụ Đọc.  - HS gọi được tên và thể loại của văn bản xuất hiện trong video: Chuyện người con gái Nam Xương (Truyền kì mạn lục) |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Trước khi đọc**

**a*. Mục tiêu:*** Kích hoạt được kiến thức nền liên quan đến VB trích, tạo sự liên hệ giữa trải nghiệm của bản thân với nội dung của VB. Bước đầu dự đoán được nội dung của VB.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** tìm hiểu phần trước khi đọc văn bản  **1. Đọc:**  **2. Tác giả**  **3. Tác phẩm**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Tìm một truyện kể dân gian có sử dụng yếu tố kì ảo, tóm tắt tác phẩm và cho biết tác dụng của yếu tố kì ảo trong tác phẩm. (GV có thể cho HS chuẩn bị câu hỏi này ở nhà, ở lớp: GV gợi ý HS tìm yếu tố kì ảo trong đoạn trích *Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây –* trích sử thi *Đăm Săn*).  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS ghi ý trả lời trên giấy, chuẩn bị câu trả lời miệng trước lớp.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, tóm lược ý kiến của HS, nhấn mạnh vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện dân gian nói chung, truyện truyền kì nói riêng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Nguyễn Dữ(?-?) sống vào khoảng thế kỉ XVI.  - Quê quán: - Xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân, nay thuộc huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.  - Xuất thân trong một gia đình khoa bảng, cha là Nguyễn Tường Phiêu, đỗ Tiến sĩ đời vua Lê Thánh Tông.  - Là học trò giỏi của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm, bạn học của Phùng Khắc Khoan. Đỗ Hương tiến và ra làm quan nhưng chưa đầy một năm đã lui về ở ẩn với lí do phụng dưỡng mẹ già.  - Tác phẩm nổi tiếng Truyền kì mạn lục.  **2. Văn bản**  - Thể loại: truyền kì mạn lục  - Bố cục:  \* Gồm 3 phần *(Chia theo kết cấu).*  - P.1 (Mở truyện): Từ đầu đến *“vung tay không cần gì cả”.*  *=>* Giới thiệu Ngô Tử Văn và hành động đốt đền.  - P.2 (Thân truyện):Từ *“Đốt đền xong”* đến *“khó lòng thoát nạn*”=> cuộc gặp TV với tướng giặc và Thổ thần  - P.3:*“Tử Văn vâng lời”* đến *“không bệnh mà mất”.=>* Ngô Tử Văn dưới âm ti.  - P.4 (Kết truyện): Còn lại: Tử văn nhận chức phán sự |

**2. Đọc văn bản**

**a*. Mục tiêu:***

– Củng cố và luyện tập các kĩ năng *dự đoán, liên hệ, tưởng tượng, suy luận* trong quá trình đọc trực tiếp VB.

– Vận dụng các kĩ năng đó trong quá trình đọc VB.

***b. Sản phẩm:*** Lời đọc của HS và câu trả lời của HS cho những câu hỏi ở phần *Đọc VB*.

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** đọc văn bảnChuyện chức phán sự đền Tản Viên  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc trực tiếp VB, trong quá trình đọc VB, khi gặp những câu hỏi trong khung, GV nhắc HS tạm dừng khoảng 1 đến 2 phút để suy ngẫm, trả lời câu hỏi *dự đoán, liên hệ, tưởng tượng, suy luận* bằng cách ghi vắn tắt câu trả lời ra giấy ghi chú và dán lên vị trí câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Mời 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trả lời câu hỏi. Sau đó mời một số HS khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá về cách HS thực hiện các kĩ năng đọc, nhấn mạnh tác dụng của việc thực hiện các kĩ năng này trong khi đọc. | HS tiến hành đọc văn bản |

**3. Sau khi đọc**

***3.1. Tìm hiểu đề tài, chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm***

**a*. Mục tiêu:*** Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung VB.

***b. Sản phẩm:*** PHT số 2 và câu trả lời miệng của HS cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4 (SGK, tr. 74)

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đề tài, chi tiết tiêu biểu, sự kiện**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** (1)Nhóm đôi HS cùng bàn thực hiện PHT số 2 (Câu 1, Câu 3, SGK, tr. 74)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm 2 HS thực hiện xong nhiệm vụ (1), nghe GV kết luận; Thực hiện nhiệm vụ (2).  **B3. Báo cáo thảo luận:** 1 – 2 đại diện HS trả lời. Các nhóm HS khác góp ý, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Dựa trên sản phẩm của HS, GV bổ sung, định hướng.  **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tích cách nhân vật Ngô Tử Văn**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** cá nhân HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi 1 SGK/ tr/ 74  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** mỗi HS tự suy nghĩ trả lời câu hỏi  **B3. Báo cáo thảo luận:** GV gọi 1 – 2 HS trình bày câu trả lời  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Dựa trên sản phẩm của HS, GV bổ sung, định hướng. | **II. Khám phá văn bản**  **\* Phiếu học tập số 2**  **Câu 1:**  **a. Đề tài**: về nhân cách của người trí thức Nho học.  **b. Tóm tắt chuỗi hành động, sự kiện**:  – Ngô Tử Văn đốt đền, sau đó đối mặt với tên giặc với thái độ “ngất ngưởng”, rồi đối thoại với vị Thổ Công 🡪 biết sự thật về tên giặc và chủ nhân thật sự của ngôi đền.  – Ngô Tử Văn bị áp giảixuống âm phủ, đấu khẩuvới tên giặc trước Diêm Vương 🡪 Diêm Vương nghi ngờ, điều tra sự thật, phán xử công minh.  – Ngô Tử Văn trở về, nhận chức phán sự đền Tản Viên và qua đời.  **c. Mối quan giữa các sự kiện trong chuỗi hành động**: Kết hợp giữa quan hệ nhân quả và quan hệ tuyến tính. Quan hệ nhân – quả: việc Tử Văn đốt đền là nguyên nhân của việc xuống âm phủ, hành động đấu tranh và cốt cách cứng cỏi, lẫm liệt của Tử Văn là nguyên nhân chàng được tiến cử chức phán sự đền Tản Viên. Quan hệ tuyến tính: các sự việc tiếp nối nhau theo thời gian.  **Câu 3:** Đây là câu hỏi mở, cần chấp nhận, tôn trọng sự khác biệt, khuyên khích nhận xét đánh giá riêng của HS. GV có thể chia sẻ ý kiến của bản thân, ví dụ:  – Đối với chi tiết hình phạt của Diêm Vương dành cho “người đội mũ trụ”, tức tên giặc phương Bắc: kẻ gian dối, có tội: phải bị trừng trị, dù đã chết.  – Đối với chi tiết (b): Công lí được thực thi một cách công minh, công bằng: những người có công thì được vinh danh.  **Câu 2: Nhận xét tính cách nhân vật Tử Văn:**  – *Người kể chuyện là tác giả:*  + “Chàng vốn khảng khái, nóng nảy, thấy sự tà gian thì không thể chịu được, vùng Bắc người ta vẫn khen là một người cương trực”.  + “Tử Văn rất tức giận, một hôm tắm gội sạch sẽ, khấn trời, rồi châm lửa đốt đền. Mọi người đều lắc đầu lè lưỡi, lo sợ thay cho Tử Văn, nhưng chàng vẫn vung tay không cần gì cả”.  – *Lời của người phương Bắc:*  + Nhà ngươi đã theo nghiệp nho, đọc sách vở của thánh hiền, há không biết cái đức của quỷ thần sao,...  **Liệt kê một số chi tiết thể hiện hành động và lời nói của Tử Văn:**  – Tử Văn mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưởng tự nhiên.  – Ngô Soạn này là một kẻ sĩ ngay thẳng ở trần gian.  – Nếu nhà vua không tin lời tôi, xin đem tư giấy đến đền Tản Viên để hỏi.  🢩 Tính cách nhân vật Tử Văn: trọng lẽ phải, công lí; nghĩa khí, cứng cỏi; xứng đáng đảm nhiệm chức phán sự. Tử Văn tiêu biểu cho những người thuộc tầng lớp trí thức trong xã hội đương thời. |

|  |
| --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2  TÌM HIỂU ĐỀ TÀI, CHI TIẾT TIÊU BIỂU, SỰ KIỆN  Câu 1:  a. Đề tài của truyện là: ...................................................................................  b. Tóm tắt chuỗi hành động/ sự kiện trong truyện theo sơ đồ sau:  c. Mối quan hệ giữa chuỗi hành động/ sự kiện là: ..........................................  .......................................................................................................................................  Câu 3: Bình luận về một trong hai chi tiết (a hoặc b) đã nêu trong SGK, tr. 74):  .......................................................................................................................................  .......................................................................................................................................  ...................................................................................................................................... |

**3.2. *Tìm hiểu lời bình của người kể chuyện và chủ đề của tác phẩm***

***a. Mục tiêu:***

–Đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung VB.

– Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ VB.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS cho các Câu 4, 5 (SGK, tr. 74)

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 3:** Tìm hiểu lời bình của người kể chuyện  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhóm 2 HS thảo luận về câu hỏi 4 (SGK, tr. 74).  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện một số nhóm HS trả lời. Các nhóm HS khác góp ý, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV tóm tắt, nhận xét câu trả lời của HS, sau đó kết luận theo định hướng  **Nhiệm vụ 4:** Tìm hiểu chủ đề của tác phẩm  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Nhóm 4 – 5 HS điền vào sơ đồ sau để trả lời Câu 5 và vế b, Câu 2 (SGK, tr. 74)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm HS lần lượt thực hiện các nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện một số nhóm HS trả lời. Các nhóm HS khác góp ý, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV tóm tắt, nhận xét câu trả lời của HS, sau đó kết luận theo định hướng | **II. Khám phá văn bản**  **Câu 4:**  **a. Cách kết truyện**: kết truyện hợp lí, có hậu, tôn vinh nhân cách cứng cỏi và hành động bảo vệ chính nghĩa đến cùng của nhân vật.  **b. Lời bình của tác giả**: Lời văn cô đúc, giàu hình ảnh và tính triết lí “kẻ sĩ không nên kiêng sợ sự cứng cỏi”, trực tiếp ca ngợi nhân vật Tử Văn. Lời bình cũng cho thấy nhân vật Tử Văn không chỉ là hiện thân cho cái Thiện nói chung trong truyện cổ tích mà còn hiện thân cho cốt cách “cứng cỏi, trung thực, nghĩa khí” được đặc biệt đề cao ở người trí thức Nho học (thường gọi là “kẻ sĩ”) ngày xưa.  **Câu 5:**  ***Tính cách Tử Văn***  – Thể hiện niềm tin vào công lí: Cái ác sẽ bị trừng trị, cái thiện sẽ chiến thắng.  – Khẳng định giá trị con người: Con người cần có lòng dũng cảm, dám đấu tranh chống lại cái ác để bảo vệ cuộc sống tốt đẹp.  – Phê phán những tệ nạn xã hội: Tham nhũng, bất công, áp bức.  – Ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người: cương trực, dũng cảm, công bằng, thương dân.  🢩 ***Chủ đề truyện:***  Ca ngợi những người có nhân cách cứng cỏi, sẵn sàng đấu tranh cho chính nghĩa của người tri thức thời xưa. Chủ đề đó được thể hiện rõ qua cách xây dựng tính cách của nhân vật Ngô Tử Văn. |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a*. Mục tiêu:***

– Nêu được một số dấu hiệu giúp nhận biết VB là truyện truyền kì;

– Đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ vai trò của yếu tố này trong truyện dân gian.

***b. Sản phẩm:*** PHT số 3 – 4 và sản phẩm sáng tạo của HS (trả lời cho câu hỏi 6, 7).

***c. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm 4 – 5 HS thực hiện các nhiệm vụ sau:   1. Xem lại PHT số 1 và câu trả lời cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5, sau đó điền vào PHT số 3 để trả lời cho Câu 6 (SGK, tr. 74) 2. Nhóm HS thực hiện bài tập sáng tạo, SGK, tr. 74 (ở nhà) dựa trên hai bảng hướng dẫn sau:   **B3. Báo cáo thảo luận:** Đại diện 2 nhóm trình bày câu trả lời. Các HS khác góp ý, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV dựa trên sản phẩm của HS thực hiện trong PHT để nhận xét, bổ sung kiến thức cho HS theo định hướng. | \*Phiếu học tập số 3, 4 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**  **ĐẶC ĐIỂM TRUYỆN TRUYỀN KÌ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Các yếu tố trong truyện truyền kì** | **Thể hiện trong VB**  ***Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*** | **Nhận xét** | | Đề tài | [ …] |  | | Không gian/ thời gian | [ …] | | Nhân vật | [ …] | | Yếu tố kì ảo/ cốt truyện | [ …] |   ***\**** Suy nghĩ của em về thái độ, quan điểm của tác giả về hiện thực đời sống xã hội đương thời:  …………………………………………………………………………………………… …………………………………………………………………………………………… |

(2) Điền vào PHT số 4 (Câu 7, SGK, tr. 74):

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**  **SO SÁNH CÁC SỬ DỤNG YẾU TỐ KÌ ẢO**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác phẩm** | **Yếu tố kì ảo** | **Nhận xét cách sử dụng yếu tố kì ảo** | | | **Tương đồng** | **Khác biệt** | | *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* |  |  |  | | Truyện cổ tích thần kì, ví dụ: *Ăn khế trả vàng, Thánh Gióng, Sọ Dừa,…* |  |  | |

**Hướng dẫn lập dàn ý cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học**

|  |  |
| --- | --- |
| Thông tin và ý tưởng | Nội dung |
| *Các thông tin về tác phẩm gốc* | Nhan đề tác phẩm |
| Thể loại tác phẩm |
| Tên tác giả/ thể loại gốc và các thông tin liên quan (nguồn/ xuất xứ,...) |
| *Ý tưởng chuyển thể* | Dự kiến số màn/ cảnh |
| Dự kiến số lượng nhân vật |
| Dự kiến cách bài trí sân khấu |
| Định hướng về chủ đề, thông điệp mà kịch bản sẽ thể hiện |
| Dự kiến nhan đề cho kịch bản |
| Dự kiến bố cục tổng thể (số màn/ cảnh, nhân vật,...) |
| Định hướng dẫn dắt xung đột, giải quyết mâu thuẫn, xung đột |
| Dự kiến cách biểu đạt hành vi, giọng nói nhân vật cho một số cuộc thoại/ lời thoại quan trọng. |

***Bảng hướng dẫn viết lời thoại và chỉ dẫn sân khấu cho kịch bản chuyển thể từ tác phẩm văn học***

|  |  |
| --- | --- |
| Thông tin và ý tưởng | Nội dung kiểm tra |
| *Chỉ dẫn sân khấu và cách trình bày sân khấu và diễn xuất* | Tên màn kịch (dự kiến) |
| Bối cảnh không gian, thời gian |
| Nhân vật, nhóm nhân vật sẽ xuất hiện |
| Gợi ý về hành vi, giọng nói, sác thái biểu cảm với các lời thoại/ lượt thoại |
| Sự rõ ràng, ngắn gọn, đích đáng |
| *Lời thoại của nhân vật* | Tính đối thoại và tác động (đối với nhân vật đồng quan điểm hoặc khác quan điểm) |
| Tính khẩu ngữ/ phù hợp để trình diễn |
| Tính biểu cảm/ biểu đạt (thể hiện phù hợp với tính cách, tâm lí, trạng thái cảm xúc,... của nhân vật). |
| Kết hợp độc thoại, đối thoại, bàng thoại khi cần. |

**Câu 6:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Các yếu tố trong truyện truyền kì | Thể hiện trong VB  *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* | Nhận xét |
| Đề tài | nhân cách của người trí thức Nho học | Những đặc điểm của truyện truyền kì được thể hiện rõ ràng và đầy đủ trong VB *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*. |
| Không gian/ thời gian | – Thế giới con người và thế giới âm phủ có sự tương giao: *đất Lạng Giang, đền Tản Viên* và *Minh Ti*;  – Có sự đan xen về thời gian ở cõi trần với cõi âm ti: *té ra mình đã chết được hai ngày rồi*; *một buổi sớm, năm Giáp Ngọ; Đến nay, con cháu Tử Văn hãy còn,...* |
| Nhân vật | Người trần gian: Tử Văn, viên Bách hộ; cõi âm ti: Thổ Công, hồn Tử Văn, viên tướng bại trận Bắc triều, Diêm Vương, quỷ Dạ Xoa,... |
| Yếu tố kì ảo/ cốt truyện | Nhiều ***yếu tố kì ảo*** được sử dụng qua các chi tiết: *ngục Cửu U, ngôi mộ của tên tướng giặc kia tự dưng bị bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám vậy; (...) trong sương có xe ngựa đi đến ầm ầm*,...  ***Cốt truyện*** (xem lại PHT số 2). |

**Câu 7:**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4: SO SÁNH CÁCH SỬ DỤNG YẾU TỐ KÌ ẢO**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tác phẩm | Yếu tố kì ảo | Nhận xét cách sử dụng yếu tố kì ảo | |
| **Tương đồng** | **Khác biệt** |
| *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* |  | Sử dụng yếu tố kì ảo đểcan thiệp vào hành động của nhân vật hay trợ giúp họ tháo gỡ khó khăn, giải quyết xung đột, thay đổi số phận nhân vật. | Yếu tố kì ảo được sử dụng như là phương tiện nghệ thuật, qua đó đề cập đến những vấn đề của xã hội đương thời: cảnh báo việc ma, quỷ (hồn ma của tên giặc phương Bắc) lấn át, xua đuổi cả thần linh, tín ngưỡng bản địa (miếu thiêng của Thổ Thần,...), sự dũng cảm đấu tranh với cái xấu của “kẻ sĩ”. |
| Truyện cổ tích thần kì, ví dụ: *Ăn khế trả vàng, Thánh Gióng, Sọ Dừa,…* |  | Thể hiện niềm tin của tác giả dân gian rằng: người hiền lành bị thua thiệt sẽ được đền bù; kẻ tham lam tự chuốc lấy tai hoạ; thể hiện ước mơ, hi vọng về sự lập lại công bằng trong đời thực. |

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc với truyện truyền kì để vận dụng vào đọc hiểu văn bản cùng thể loại

**b. Nội dung:** Một số đặc điểm lưu ý khi đọc truyện truyền kì

**c. Sản phẩm:** Bảng tóm tắt một số đặc điểm lưu ý khi đọc truyện truyền kì và kết quả thực hiện nhiệm vụ HT ở nhà

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

(1) Nhóm 2 HS hoàn thành cột L của phiếu KWL liên quan đến truyện truyền kì, theo hướng dẫn sau: *Em đã học thêm được gì về truyện truyền kì?*

(2) Nhóm 2 HS xem lại bảng tóm tắt một số đặc điểm của truyện truyền kì (PHT số 3), từ đó xác định cách đọc truyện truyền kì.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS chuẩn bị trước VB *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*

**B3. Báo cáo thảo luận:**

(1), (2) Một số nhóm trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.

(3) HS báo cáo sản phẩm trong tiết học tiếp theo.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

(1) GV kết luận, nhận định về đặc điểm của truyện truyền kì dựa và lưu ý cách đọc thể loại này:

– Truyện truyền kì là một trong những thể loại truyện nên khi đọc truyện nói chung, truyện truyền kì nói riêng, cần:

+ Xác định và phân tích các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, nhân vật, từ đó nêu mối quan hệ của chúng trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.

+ Phân tích nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật,...

– Riêng đối với truyện truyền kì: cần chú ý yếu tố kì ảo, vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.

(2) HS kết luận, nhận định trong tiết học tiếp theo.

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:** chuẩn bị soạn văn bản*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*

**Tiết …. - VĂN BẢN 2: VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC- Nguyễn Đình Chiểu**

*Thời gian thực hiện: 2,5 tiết*

GV soạn: Bùi Thanh Hiền

Trường: THPT Phạm Thành Trung, ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* muốn gửi đến người đọc.

- Xác định và phân tích các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, từ đó nêu mối quan hệ của chúng trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.

**2. Về năng lực:**

*- Về năng lực chung:* Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

*- Về năng lực đặc thù:* Học sinh viết được một văn bản nghị luận phân tích, đánh giá chủ đề tư tưởng giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản văn tế.

**3. Về phẩm chất:** Kính trọng và biết ơn những con người bình dị nhưng đã anh dũng dấn thân, hi sinh cho Tổ quốc; đồng thời luôn nuôi dưỡng lòng quả cảm, khát vọng đóng góp cho cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** SGK, SGV Ngữ văn 12; Bài soạn; Bài giảng Powerpoit; Phiếu học tập.

**2. Học liệu:** SGK Ngữ văn 12 (tập 1 soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài)

- Tìm tư liệu về Nguyễn Đình Chiểu (hình ảnh, video, chuyện kể)

- Đọc bài ghi lại kiến thức cơ bản bằng sơ đồ hoặc bản đồ tư duy.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thức nền, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập tạo tâm thế tích cực cho HS khi vào bài học *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.*

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ: *Hãy kể ngắn gọn về một tấm gương đã anh dũng hi sinh vì nền độc lập tự chủ của đất nước ta trong thời kì chống thực dân Pháp xâm lược.*

**c. Sản phẩm:** chia sẻ của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ: *Hãy kể ngắn gọn về một tấm gương đã anh dũng hi sinh vì nền độc lập tự chủ của đất nước ta trong thời kì chống thực dân Pháp xâm lược.*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.  - GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày trước lớp.  - GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá.  - Gợi mở: | Trong chiến thắng vang dội của Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954 có công đóng góp lớn lao của lực lượng quân và dân ta. Thực dân Pháp và Mỹ gọi Điện Biên Phủ là pháo đài không thể công phá. Trong trận chiến đấu ở đồi Him Lam, nổi lên gương chiến đấu dũng cảm của anh Phan Đình Giót. Mùa đông năm 1953, đơn vị anh được lệnh tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ. Hành quân gần 500km, vượt qua nhiểu đèo dốc, mang vác nặng, nhưng anh vẫn kiên trì giúp đồng đội về đến đích. Trong nhiệm vụ xẻ núi, mở đường kéo pháo lên đèo xuống dốc vào trận địa rất gay go gian khổ, anh đã nêu cao tinh thần gương mẫu, bền bỉ và động viên anh em chấp hành nghiêm mệnh lệnh của cấp trên.  Chiều 13/3/1954, quân ta nổ súng tiêu diệt Him Lam. Cả trận địa rung chuyển mù mịt sau nhiểu loạt pháo. Các chiến sĩ đại đội 58 lao lên mở đường, đã liên tiếp đánh đến quả bộc phá thứ tám. Phan Đình Giót đánh quả thứ chín và bị thương ở đùi, nhưng vẫn xung phong đánh quả tiếp theo. Quân Pháp tập trung hỏa lực trút đạn như mưa xuống trận địa ta, đồng đội bị thương rất nhiểu. Lòng căm thù quân giặc lên cao, Phan Đình Giót lao lên đánh liên tiếp hai quả nữa phá toang hàng rào cuối cùng, mở thông đường để đồng đội lên đánh sập lô cốt đầu cầu.  Lợi dụng thời cơ địch hoang mang, anh lao lên bám chắc lô cốt số 2, ném thủ pháo, bắn kiềm chế cho đơn vị tiến lên. Anh bị thương ở vai và đùi, máu chảy rất nhiểu. Thế nhưng bất ngờ từ hỏa lực lô cốt số 3 của địch bắn rất mạnh vào đội hình của ta. Lực lượng xung kích bị ùn lại, anh cố gắng nhích mình lên gần lại lô cốt số 3 với ý nghĩ cháy bỏng duy nhất là dập tắt lô cốt này. Anh đã dùng hết sức còn lại nâng tiểu liên lên bắn mạnh vào lỗ châu mai và hét to: “Quyết hy sinh vì Đảng, vì dân”, rồi rướn người lấy đà lao cả tấm ngực thanh xuân vào bịt kín lỗ châu mai địch. Hỏa điểm lợi hại nhất của quân Pháp bị dập tắt, toàn đơn vị ào ạt xông lên như vũ bão, tiêu diệt gọn cứ điểm Him Lam, giành thắng lợi trong trận đánh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ. Phan Đình Giót hy sinh lúc 22 giờ 30 phút ngày 13/3/1954 ở tuổi 34, được tặng Huân chương Quân công hạng nhì.  Phan Đình Giót như một hòn núi lớn  Ngực yêu đời đè bẹp lỗ châu mai. |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được một số thông tin về tác giả, tác phẩm, những nét chính về hoàn cảnh sáng tác, của văn bản *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.*

**b. Nội dung:**

HS sử dụng SGK, quan sát, chắt lọc kiến thức trả lời những câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **1. Đọc**  **2. Tác giả**  **3. Tác phẩm**  GV yêu cầu HS đọc phần thông tin trong SGK và tìm hiểu tác giả và tác phẩm. (Có thể phát PHT số 1 để HS điền vào)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận nhóm 2 hoặc nhóm 4 để tìm hiểu bài.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  - Các nhóm bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét và sử dụng bảng kiểm đánh giá hoạt động nhóm của HS.  - GV chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **a. Cuộc đời**  - Nguyễn Đình Chiểu sinh năm 1822 tại làng Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định ( nay là TP HCM ), mất năm1888 tại Bến Tre.  - Cuộc đời gặp nhiều bất hạnh, mất mát.  - Là một con người giàu niềm tin và nghị lực, vượt qua số phận để giúp ích cho đời: bị mù nhưng ông vẫn mở trường dạy học, bốc thuốc chữa bệnh giúp dân, làm thơ…  - Năm 1859 khi Pháp chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu về Cần Giuộc, rồi về Bến Tre, ông vẫn đứng vững trên tuyến đầu của cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, cùng các lãnh tụ nghĩa quan bàn mưu kế đánh giặc và sáng tác những vần thơ cháy bỏng căm thù.  🠲 Cuộc đời Đồ Chiểu là một tấm gương sáng ngời về:  - Nghị lực phi thường vượt lên số phận.  - Lòng yêu nước thương dân.  - Tinh thần bất khuất trước kẻ thù.  **b. Sự nghiệp sáng tác**  *\* Trước khi Pháp xâm lược*  - Lục Vân Tiên  - Dương Từ - Hà Mậu  Truyền bá đạo lí làm người.  *\* Sau khi Pháp xâm lược*  - Chạy giặc, Văn tế Cần Giuộc, Văn tế Trương Định, thơ điếu Trương Định, thơ điếu Phan Tòng, Ngư, Tiều y thuật vấn đáp,…  - Lá cờ đầu của thơ văn yêu nước chống Pháp nửa cuối TK XIX.  **2. Văn bản**  Tháng 12 năm 1861, một đội nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc đã anh dũng tấn công đồn giặc Pháp ở chợ huyện, tiêu diệt được một số sĩ quan và quân lính giặc. Nhưng vì trang bị quá thô sơ, hơn hai mươi nghĩa sĩ đã hi sinh. Tinh thần xả thân cứu nước của họ đã tạo nên niềm xúc động mạnh mẽ. Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu viết bài văn tế này để đọc tại lễ truy điệu của những người nghĩa sĩ. Bài văn tế gây xúc động sâu sắc trong nhân dân và được lưu truyền khắp cả nước ta. |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

Nắm được đặc điểm thể loại, bố cục văn tế, vẻ đẹp của người nghĩa sĩ nông dân.

**b. Nội dung:** Đọc sáng tạo, nêu vấn đề bàn luận, thảo luận ý kiến với tập thể lớp.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, ý kiến phản hồi của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn đọc: Giọng đọc văn tế thường chậm, mang âm hưởng bi thương, đau xót. Giữa các phần trong bố cục thường ngắt giọng lâu hơn để tạo dư âm:  + Phần Lung khởi cần đọc giọng trang trọng nhấn vào từ chỉ hình ảnh rộng lớn và miêu tả âm thanh, ánh sáng, làm nổi bật sự suy ngẫm về lẽ sống chết ở đời;  + Phần Thích thực giọng đọc hồi tưởng, bồi hồi khi dựng lại chân dung người nghĩa sỹ có nguồn gốc nông dân; Đoạn miêu tả bức tranh công đồn cần đọc nhanh, dồn dập, tự hào, nhấn vào các động từ;  + Phần Ai vãn và Kết trở về giọng đọc chậm, thống thiết, xót xa và thành kính trang nghiêm.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** GV gọi 1-2 HS đọc bài  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** Cả lớp chú ý lắng nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV đọc mẫu, HS đọc, nhận xét, rút kinh nghiệm.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS thảo luận nhóm lớn (4 nhóm) (Phát PHT số 2,3 để HS điền vào)  - Thời gian: 7 phút  - Nội dung: 4 nhóm chọn ngẫu nhiên trong những nội dung sau:  + Tình thế, bối cảnh thời đại mà Nguyễn Đình Chiểu xây dựng hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ; ý nghĩa cái chết của họ.  (Gợi ý: Sự đối lập được biểu hiện như thế nào?)  + Hoàn cảnh xuất thân của người nghĩa sĩ trong bài văn tế  + Những chuyển biến về tư tưởng của người nông dân khi giặc Pháp xâm lược  + Vẻ đẹp hào hùng của người nông dân trong “trận nghĩa đánh Tây”.  HS thảo luận, ghi vào bảng phụ  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  **-** Các nhóm thảo luận và viết kết quả vào bảng phụ hoặc PHT  **B3. Báo cáo thảo luận**  **-** Các nhóm lần lượt cử đại diện báo cáo kết quả thảo luận.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề.  => Sản phẩm dự kiến:  **Nhóm: Trình bày nội dung 1.**  *Tình thế, bối cảnh thời đại mà Nguyễn Đình Chiểu xây dựng hình tượng người nông dân – nghĩa sĩ; ý nghĩa cái chết của họ.*  Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.  - HS diễn xuôi câu 1, 2  Than ôi, khi tiếng súng của giặc Pháp vang rền trên đất nước thì tấm lòng của người dân có trời thấu tỏ. Mười năm làm ruộng ...  *Tóm lại, hai câu văn đã tạo nên một cái “nền” hoành tráng để tác giả đi sâu khắc hoạ vẻ đẹp của bức chân dung người nghĩa binh Cần Giuộc.*  **Nhóm: Trình bày nội dung 2**  *- Hoàn cảnh xuất thân của người nghĩa sĩ trong bài văn tế?*  *- Trước khi đánh giặc học là ai? Làm nghề gì? Đời sống hàng ngày của họ ra sao? Từ “cui cút” nói lên tình cảm gì của tác giả đối với những người nghĩa sĩ nông dân?*  Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.  - Nhà thơ xúc động, cảm thông, chia sẻ với cuộc đời nhỏ bé và thân phận “*con sâu cái kiến”* của người nông dân nghĩa sĩ. Có thể nói, bao nhiêu tình cảm yêu thương của nhà thơ giành cho người nông dân đánh giặc đều được dồn nén và đọng lại ở hai chữ “ cui cút” trong đoạn thơ - từ gợi cảm: chan chứa niềm cảm thông, yêu thương của tg.  **Nhóm: Trình bày nội dung 3**  *- Những chuyển biến về tư tưởng của người nông dân khi giặc Pháp xâm lược*  *Thực dân Pháp chiếm Nam Bộ, người nông dân đã thể hiện tâm trạng và Phẩm chất của mình như thế nào?*  Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung, GV chốt lại những kiến thức cơ bản.  - Đoạn văn này gợi nhớ đến những câu nào trong bài “Hịch tướng sĩ” và “Bình Ngô đại cáo"”?  Ta thường tới bữa quên ăn ...  Ngẫm thù lớn ...  *- Trước sự bất lực của triều đình phong kiến,với lòng căm thù giặc sâu sắc của mình, người nông dân đã có nhận thức như thế nào về vai trò, trách nhiệm của mình với đất nước?*  *- Từ tình cảm, nhận thức như đã nói thì những người nghĩa sĩ đó có hành động như thế nào?*  ***Từ những thân phận bé nhỏ, tội nghiệp “cui cút làm ăn, toan lo nghèo khó”, người nông dân đã hoá thân thành nghĩa sĩ phi thường, tự nguyện gánh vác trọng trách cứu nước.***  **Nhóm : Trình bày nội dung 4**  Sau khi HS trao đổi và trình bày, bổ sung GV chốt lại những kiến thức cơ bản.  *- Vũ khí và trang phục ra trận của người nông dân nghĩa sĩ được miêu tả như thế nào?*  Sự tương phản giữa vũ khí, trang bị và tinh thần chiến đấu của người nông dân khi ra trận với súng to, đạn nhỏ của kẻ thù càng làm tăng thêm vẻ đẹp tráng ca của người nghĩa quân áo vải .  *- Trước quân thù, tinh thần chiến đấu của họ ra sao?*  Đây là bức tranh công đồn chưa hề thấy trong văn chương trung đại. Ta mới thấy võ quan như Phạm Ngũ Lão “Hoành sóc giang sơn cáp kỉ thu”, một Trần Quốc Tuấn “Chỉ căm tức rằng chưa xả thịt lột da… cũng nguyện xin làm”. Một Đặng Dung mài gươm dưới trăng ngửa mặt nhìn trời than thở. “Mài gươm mấy độ bóng trăng tà”. Một Nguyễn Trãi “Trận Bồ Đẳng sấm vang chấp giật, miền Trà Lân trúc trẻ tro bay, sĩ khí càng hăng, quân Thanh càng mạnh”.  => Đây là lần đầu tiên người nông dân chiến đấu xuất hiện với vẻ đầy dũng khi hiên ngang trong văn học mặc dù lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã khẳng định công lao to lớn của người dân chân lấm tay bùn.  **Nhiệm vụ 2:**  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** Phân tích một đoạn hoặc một số câu văn thể hiện sâu sắc tình cảm của nhân dân và của tác giả đối với sự hy sinh của người nghĩa sĩ Cần Giuộc.  - Phân tích tác dụng của ngôn ngữ, giọng điệu trong việc thể hiện tình cảm, cảm xúc của tác giả trước hành động chiến đấu và hi sinh của người sĩ Cần Giuộc.  - Nêu chủ đề và cảm hứng chủ đạo của bài văn tế?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm HS lần lượt thực hiện nhiệm vụ từ  **B3. Báo cáo thảo luận**  3 HS trình bày sản phẩm. Những HS khác góp ý, trao đổi, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề. | **II. Khám phá văn bản**    **Đọc văn bản**    **1. Lung khởi: Bối cảnh thời đại và ý nghĩa cái chết bất tử.**  - Sự đối lập từ hình thức đến nội dung:  súng giặc >< lòng dân; đất >< trời  - Không gian rộng lớn: *trời*, *đất* + động từ *rền*, *tỏ* - sự khuếch tán của âm thanh, ánh sáng  -> Bối cảnh của thời đại: sự đối lập gay gắt dữ dội giữa thế lực bạo tàn của thực dân Pháp và ý chí bảo vệ tổ quốc của nhân dân Việt Nam.  + *Mười năm công vỡ ruộng* - không ai biết  + *Một trận nghĩa đánh Tây* - để lại tiếng thơm muôn đời  *-> Tác giả đặt giả thiết để so sánh nhằm khẳng ý nghĩa của cái chết vinh quang, cao cả.*  ***=> Thời kì đau thương, “khổ nhục nhưng vĩ đại”.***  ***2. Phần thích thực: Hình tượng những người nông dân - nghĩa sĩ Cần Giuộc anh hùng.***  ***a. Hoàn cảnh xuất thân những người nghĩa sĩ:***  - Là những người nông dân nghèo khổ chất phác, cuộc đời lam lũ **“**cui cút” với bao lo toan nghèo khó.  - Họ hoàn toàn xa lạ với công việc binh đao -> tạo ra sự đối lập -> tôn cao tầm vóc người anh hùng ở đoạn sau.  => Bằng nghệ thuật liệt kê (kể ra một loạt những việc người nông dân quen làm và những việc họ chưa hề biết đến), đoạn văn đã giới thiệu một cách cụ thể về nguồn gốc của nghĩa sĩ : Họ xuất thân từ nông dân cần cù, nghèo khổ, xa lạ với chiến tranh, trận mạc.  ***b. Những chuyển biến về tư tưởng, tình cảm của người nông dân:***  ***\* Tình cảm:***  - Người dân ***trông chờ*** tin tức mỏi mòn rồi ***thất vọng*** “trông tin quan như trời hạn trông mưa”.  - Lòng căm thù, oán giận:  + *ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ*  + *muốn tới ăn gan*  + *muốn ra cắn cổ*  (hình ảnh cường điệu mạnh mẽ, chân thực, đậm sắc thái nông dân Nam Bộ)  **\* Nhận thức**  - Họ nhận thức đúng đắn: Đất nước ta là một quốc gia độc lập, vĩ đại *“mối xa thư đồ sộ”*  *-* Xác định trách nhiệm của bản thân với đất nước: tự mình đứng lên trừ kẻ xâm lăng. *(há để ai chém rắn đuổi hươu).*  **\* Hành động:**  *+ Xin ra sức đoạn kình*  *+ Dốc ra tay bộ hổ*  *+ Mến nghĩa làm quân chiêu mộ*  → tự nguyện, thể hiện ý thức trách nhiệm với sự nghiệp cứu nước và ý chí quyết tâm tiêu diệt giặc của người nghĩa sĩ.  **c. *Vẻ đẹp hào hùng của đội quân áo vải trong trận nghĩa đánh Tây***  - Trang bị của nghĩa quân khi vào trận:  *+…manh áo vải…*  *+…ngọn tầm vông...*  *+… rơm con cúi...*  *+…lưỡi dao phay…*  *Liệt kê + chi tiết chân thực có sức gợi tả cao*  -> Đó là những vật dụng nghèo nàn, thô sơ trong cuộc sống lao động hàng ngày đã trở thành vũ khí để nghĩa quân đánh giặc.  - Tinh thần chiến đấu của nghĩa sĩ  + Khí thế tấn công vũ bão: động từ mạnh, dứt khoát (*đốt xong, chém rớt, đâm ngang, chém ngược*)…  + Lòng dũng cảm phi thường: *đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có, trối kệ tàu sắt tàu đồng súng nổ*…  Tả thực, nhịp điệu dồn dập, đối, sử dụng từ chéo *(đâm ngang, chém ngược, hò trước, ó sau*) tinh thần chiến đấu ngùn ngụt, tư thế hiên ngang lẫm liệt, làm khiếp sợ kẻ thù.  => Nguyễn Đình Chiểu đã phát hiện, ngợi ca phẩm chất cao quý vốn tiềm ẩn đằng sau manh áo vải, sau cuộc đời vất vả, lam lũ của người nông dân – đó là lòng yêu nước và ý chí quyết tâm bảo vệ Tổ quốc.  **3. Tình cảm của nhân dân, tác giả đối với người nghĩa sĩ và chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài văn tế**  **a. Tình cảm của nhân dân và tác giả đối với người nghĩa sĩ**  – Bài văn tế thường có những lời biểu cảm trực tiếp của người đứng tế như: *Hỡi ôi!/ Ôi!/ Ôi thôi thôi!/ Đau đớn thay!*/ ...  – Với Nguyễn Đình Chiểu và nhân dân Cần Giuộc, những nghĩa sĩ Cần Giuộc không chết. Thân xác họ đã nằm xuống, nhũng *tấm lòng son* của họ sẽ sống mãi với trăng sao.  – Bài văn tế cũng thể hiện niềm thương cảm sâu xa với những nạn nhân của chiến tranh xâm lược. Câu văn cho thấy nhân dân và trước hết là những *mẹ già* mất con, *vợ yếu* mất chồng là nạn nhân đầu tiên của chiến tranh.  – Đặt các câu văn trong phần *Ai vãn/ Kết* trong tương quan với các câu ở phần *Thích thực* và trong chỉnh thể tác phẩm, ta thấy thấy tính chất bi tráng của hình tượng và cảm xúc: Khi gắn liền hay tiếp nối với những hình ảnh cao đẹp, hào hùng của người nghĩa sĩ (ở phần Thích thực) thì niềm thương tiếc trong bài văn càng mãnh liệt, bi thiết, đồng thời, tính chất bi không còn là bi thương mà thành bi tráng.  - Việc thể hiện gián tiếp tình cảm, cảm xúc của tác giả thông qua miêu tả, trần thuật hành động chiến đấu và hi sinh của người nghĩa sĩ Cần Giuộc với cụm từ *Khá thương thay* mở đầu phần Thích thực; phép đối và cấu trúc câu phủ định – khẳng định; mật độ sử dụng các cụm động từ chỉ hành động khoẻ khoắn, dũng mãnh (đã liệt kê, phân tích ở Câu 2);... giúp tác giả làm toát lên giọng điệu, tình cảm, cảm xúc chung của cả đoạn văn: ngưỡng mộ, ngợi ca nồng nhiệt.  *Tác dụng:* Vừa thể hiện chân dung người nghĩa sĩ anh hùng vừa thể hiện tình cảm chân thành, trân trọng đối với người đã hi sinh vì quê hương, đất nước.  **b. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo của bài văn tế**  **\* Chủ đề:** thể hiện hình tượng bi tráng của người nghĩa sĩ Cần Giuộc và tình cảm thương xót, kính phục của tác giả, của nhân dân đối với sự hi sinh của họ.  \* **Cảm hứng chủ đạo:** Ngợi ca vẻ đẹp bình dị, chất phác và tinh thần xả thân cứu nước của những người nghĩa sĩ nông dân Cần Giuộc, đồng thời bộc lộ niềm tiếc thương vô hạn đối với sự hi sinh quên mình của người nông dân – nghĩa sĩ. |

**Nội dung 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS tổng kết lại ý nghĩa nội dung và nghệ thuật của văn bản

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt câu hỏi:  *- Khái quát những nét lớn về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?*  HS suy nghĩ trả lời câu hỏi  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  **-** HS trả lời câu hỏi  **B3. Báo cáo thảo luận:**  **-** Các bạn còn lại nhận xét, bổ sung câu trả lời.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt lại vấn đề. | **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  - Chất trữ tình  - Thủ pháp tương phản và cấu trúc của thể văn biền ngẫu  - Ngôn ngữ vừa trang trọng, vừa dân dã, mang đậm sắc thái Nam Bộ  ***2. Ý nghĩa văn bản***  - Vẻ đẹp bi tráng của hình tượng người nghĩa sĩ nông dân  - Lần đầu tiên trong văn học Việt Nam, người nông dân có mặt ở vị trí trung tâm và hiện ra với tất cả vẻ đẹp vốn có của họ. |

***Phiếu học tập số 1***

|  |
| --- |
| Họ tên/Nhóm HS………………………………………..Lớp…………………… |
| **Phiếu học tập số 1**  **VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC**  **Nguyễn Đình Chiểu**  **Tìm hiểu Tác giả - tác phẩm** |
| + Thông tin về tác giả Nguyễn Đình Chiểu *(cuộc đời; con người; sự nghiệp sáng tác)*  ….……………………………………………………………………………………………  + Bối cảnh ra đời bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.  ….…………………………………………………………………………………………… |

***Phiếu học tập số 2***

|  |
| --- |
| Họ tên/Nhóm HS………………………………………..Lớp…………………… |
| **Phiếu học tập số 2**  **VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC**  **Nguyễn Đình Chiểu**  **Tìm hiểu Nội dung đoạn 1** |
| \* Đoạn 1 (Tán), 9 câu đầu  + Nội dung 2 cầu đầu *(Lung khởi, nhận xét)*   * *Lung khởi*   ….………………………………………………………………………………………………   * Nhận xét   ….………………………………………………………………………………………………  + Nội dung 7 câu tiếp theo   * *Hoàn cảnh xuất thân*   ….………………………………………………………………………………………………   * *Thái độ khi có giặc xâm lăng*   ….………………………………………………………………………………………………………   * *Nhận xét*   *….…………………………………………………………………………………………………………* |

***Phiếu học tập số 3***

|  |
| --- |
| Họ tên/Nhóm HS………………………………………..Lớp…………………… |
| **Phiếu học tập số 3**  **VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC**  **Nguyễn Đình Chiểu**  **Tìm hiểu Nội dung đoạn 3 và 4** |
| **+ Đoạn 3 (nửa sau của Thán), 10 câu tiếp**   * Nỗi đau mất nước   ….………………………………………………………………………………………………   * Cảm thương người thân   *…*.………………………………………………………………………………………………   * Cảm xúc xót thương   *…*.………………………………………………………………………………………………  **+ Đoạn 4**   * Bày tỏ tình cảm, tiếc thương.   *…*.……………………………………………………………………………………………… |

***Phiếu học tập số 4***

|  |
| --- |
| Họ tên/Nhóm HS………………………………………..Lớp…………………… |
| **Phiếu học tập số 4**  **VĂN TẾ NGHĨA SĨ CẦN GIUỘC**  **Nguyễn Đình Chiểu** |
| Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:  *Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.*  *Chi nhọc quan quản gióng trống kì, trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.*   *Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.*  (Trích *Văn tế  nghĩa sĩ Cần Giuộc-* Nguyễn Đình Chiểu)  1/ Nêu nội dung chính của văn bản trên.  ….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  2/ Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em hãy nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật đó.  ….…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  3/ Tác giả tỏ Phẩm chất, tình cảm như thế nào với người nghĩa sĩ trong văn bản trên?  ….……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản

**b. Nội dung:** HS nắm được những thông tin về văn bản đã học

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV phát phiếu học tập cho HS, yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong PHT.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét bài làm của HS. | **Bài học: Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc**  ***Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:***  *Hỏa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.*  *Chi nhọc quan quản gióng trống kì, trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.*   *Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.*  (Trích *Văn tế  nghĩa sĩ Cần Giuộc-* Nguyễn Đình Chiểu)  **Câu 1.** Nêu nội dung chính của văn bản trên.  **Câu 2.** Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật đó.  **Câu 3**. Tác giả bày tỏ tình cảm như thế nào với người nghĩa sĩ trong văn bản trên?  **Định hướng trả lời**  **Câu 1.** Nội dung chính của văn bản trên: Diễn tả giây phút công đồn của người nông dân nghĩa sĩ anh hùng.  **Câu 2.** Văn bản trên sử dụng biện pháp nghệ thuật :  - Hệ thống động từ mạnh : *đốt,đeo,đạp,xô, xông, liều, đâm, chém, hè, ó...*  - Các cụm từ vừa diễn tả tinh thần, khí thế, vừa diễn tả sức mạnh :*đạp rào lướt tới-xô cửa xông vào-đâm ngang chém ngược...*  - Phép đối được sử dụng đậm đặc : hè trước/ó sau ; nhỏ/to ; ngang/ngược ; trước/sau...  - Ngôn ngữ đậm chất Nam bộ, không sử dụng từ ngữ ước lệ.  Hiệu quả nghệ thuật biện pháp nghệ thuật: tạo nhịp điệu đoạn văn nhanh, mạnh, dứt khoát, sôi nổi, góp phần tái hiện trận công đồn của nghĩa sĩ Cần Giuộc rất khẩn trương, ác liệt, sôi động và đầy hào hứng.  **Câu 3.** Tác giả thể hiện tình cảm ca ngợi, ngưỡng mộ tinh thần chiến đấu quả cảm, không ngại gian khổ hi sinh của người nghĩa sĩ trong giây phút sinh tử. |

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

- Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ).

**b. Nội dung:** HS viết được đoạn văn cảm nhận về văn bản đã học

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

Viết đoạn văn khoảng 150 chữ trả lời câu hỏi sau:

*Từ hình ảnh người nông dân nghĩa sĩ trong Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc của Nguyễn Đình Chiểu, anh chị suy nghĩ gì về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với công cuộc dựng nước và giữ nước?*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS thực hiện nhiệm vụ.

**B3. Báo cáo thảo luận**

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ.

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**

**-** GV nhận xét bài làm của HS.

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

- Vẽ sơ đồ tư duy nội dung bài học

- Chuẩn bị bài tiết sau:

*+ Phẩm chất cảm phục và niềm thương xót vô hạn của tác giả được thể hiện như thế nào?*

*+ Tác giả đã có những suy nghĩ gì về người nghĩa sĩ?*

*+ Tác giả đề cao một quan niệm sống cao đẹp là gì?*

**Tiết …. – ĐỌC KẾT NÓI CHỦ ĐIỂM**

**VỊNH TẢN VIÊN SƠN \_- Cao Bá Quát**

*Thời gian thực hiện: 1 tiết*

GV soạn: Bùi Thanh Hiền

Trường: THPT Phạm Thành Trung, ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhận biết được các chi tiết (từ ngữ, hình ảnh) tiêu biểu giúp tác giả truyền tải chủ đề sông núi linh thiêng.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với thiên nhiên núi Tản Viên và vị thần là chủ nhân đỉnh núi.

**2. Về năng lực:** Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc, phát hiện được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh.

**3. Về phẩm chất:** Biết yêu quý và có ý thức gìn giữ vẻ đẹp của thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Sách giáo khoa, sách giáo viên.

**2. Học liệu:** bảng, bảng phụ, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, huy động tri thứ nền, thu hút HS vào bài học và hiểu hơn về tác giả cũng như tác phẩm “Vịnh Tản Viên sơn- Cao Bá Quát”.



Nguồn:<https://kinhtedothi.vn/tan-vien-son-nen-la-mot-bieu-tuong-van-hoa-cua-viet-nam.html>

**b. Nội dung:** GV cho HS suy nghĩ và chia sẻ câu trả lời thông qua câu hỏi gợi mở của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV đặt câu hỏi cho HS, HS suy nghĩ cá nhân và trả lời theo gợi ý của GV. GV cho HS tìm hiểu tham khảo trước ở nhà.  ? Quan sát ảnh, em hãy cho biết tên của danh lam thắng cảnh? Chia sẻ sự hiểu biết của em về thắng cảnh đó?  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS quan sát, thảo luận để trả lời câu hỏi.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  - GV mời 1 – 2 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **- Tên ảnh:** Đỉnh non Ba Vì - nơi thờ Đức Thánh Tản Viên Sơn.  - Thế kỷ XV, trên đỉnh cao của sự phát triển quốc gia Đại Việt, với tinh thần dân tộc mạnh mẽ nhất, Nguyễn Trãi, nhà văn hóa thế giới, bằng nhãn quan lịch sử sâu sắc của mình, trong tác phẩm địa lý - lịch sử Dư địa chí, đã khẳng quyết: *“Tản Viên là tên núi, núi có ba ngọn cao chót vót, hình như cái tán vì thế mới gọi là Tản Viên. Núi ấy là núi tổ của nước ta đó”.* Lời khẳng quyết này là một trong rất nhiều định đề, như những chân lí, về văn hóa mà Nguyễn Trãi anh minh đã để lại cho chúng ta. Tính biểu tượng của Ba Vì được khẳng định ở tầm độ trí tuệ cao nhất, ở tình cảm ái quốc sâu đậm nhất.  - Nhân dân ta đã xây dựng được trong tiến trình lịch sử một biểu tượng trọng đại: Núi Ba Vì. Cũng như Olympia của Hy Lạp, Thái Sơn, Ngũ Nhạc của Trung Hoa, Đại Phú Sĩ Sơn của Nhật Bản…, mỗi nền văn minh có những biểu tượng núi thiêng như là thương hiệu lịch sử, thương hiệu văn hóa của chính mình. |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1. Tìm hiểu khái quát**

**a. Mục tiêu:** Đọc và biết được thông tin ở phần cước chú của văn bản

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ, hướng dẫn HS *cách đọc văn bản trước.*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **I. Đọc văn bản**  - HS biết cách đọc  **Nội dung chính:**Vịnh Tản Viên Sơn là một bài thơ của Cao Bá Quát, một nhà thơ lớn yêu nước của Việt Nam thế kỷ XIX. Bài thơ này tôn vinh ngọn núi Tản Viên, một ngọn núi nằm cao ở tỉnh Hà Tây (nay là Hà Nội). |

**Nội dung 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

– Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung văn bản.

– Liên hệ, kết nối với văn bản *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Trên đỉnh non Tản* để hiểu hơn về chủ điểm *Sông núi linh thiêng*.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cho các câu hỏi 1, 2, 3, 4 (SGK, tr. 82).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS làm việc theo nhóm, GV chia lớp thành 4 nhóm (8-9 HS/nhóm); thảo luận thực hiện thời gian 10 phút, với các câu hỏi SGK. HS trình bày trên bảng phụ.  **Nhóm 1:** Liệt kê một số từ ngữ, hình ảnh góp phần thể hiện vẻ đẹp của núi Tản Viên trong bài thơ (lưu ý đối chiếu bản dịch thơ với nguyên tác).  **Nhóm 2:** Qua bài thơ, tác giả thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì đối với thiên nhiên núi Tản Viên và vị thần là chủ nhân đỉnh núi ấy?  **Nhóm 3**: Thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc qua bài thơ là gì?  **Nhóm 4**: Theo bạn, hình ảnh núi Tản Viên được miêu tả trong hai tác phẩm “Trên đỉnh non Tản” (Nguyễn Tuân) và “Vịnh Tản Viên sơn” (Cao Bá Quát) có điểm gì chung?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Khám phá văn bản**  **Câu 1:** Khái quát vẻ đẹp của núi Tản Viên: vừa là thắng cảnh độc đáo vừa là di tích lịch sử linh thiêng, đáng tự hào.   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Vẻ đẹp** | | *nổi tiếng tự ngàn năm; tròn xoe ngất một vòm (danh sơn, cổ kim truyền:* núi nổi tiếng được truyền tụng xưa nay; *đoàn đoàn nhược tản viên*: tròn tròn như cái lọng) | Hình thể: tròn đầy, cổ kính, lừng danh xưa nay | | *đỉnh sát từng trời sao dễ với (vân mại trùng tiêu tinh khả trích*: mây trôi qua tầng trời, tưởng có thể hái được những ngôi sao) *đất cao muôn bậc, nước khôn chờm (địa dao vạn nhận thuỷ vô quyển*: đất trải dài vạn thước, nước không làm gì nổi) | Tầm vóc: cao, rộng, vững chãi, hùng vĩ hiếm thấy;  Gợi nhắc: vị thế bất khả xâm phạm của thần Núi trong cuộc chiến với thần Nước | | *đá khe vui thú tiên không tuổi,/mây ráng thường ngăn cảnh khác phàm*  *(yên hà trường toả vô trấn cảnh, /tuyền thạch nhàn thê bất lão tiên*: dưới màn khói sương bao phủ không còn thấy cảnh trần gian, giữa cảnh suối đá sống thảnh thơi một vị tiên không già) | Cõi riêng: hư ảo, yên bình, linh thiêng;  Sự sống thoát tục, trường sinh bất tử như ở cõi tiên | | *Cao chịu bó tay, Đường Ỷ khiếp,/ Phương Nam chất ngất trấn trời Nam!*  (*Đường Ỷ đảm hàn, Cao thúc thủ. Nguy nhiên Nam cực trấn Nam thiên!*: Đường Ý Tông khiếp đảm, Cao Biền bó tay, Đỉnh Tản Viên cao sừng sững ở phương Nam trấn giữ trời Nam) | Biểu tượng lịch sử: Hiện thân cho sự trấn giữ ngạo nghễ, linh thiêng; sức mạnh, uy thế bất khả chiến bại của nước Nam |   **Câu 2:** Một số biểu hiện vể tình cảm, cảm xúc của tác giả đối với thiên nhiên núi Tản Viên và vị thần là chủ nhân đỉnh núi ấy:  Trong bài thơ “Vịnh núi Tản Viên,” tác giả thể hiện sự kính trọng và tôn vinh đối với thiên nhiên núi Tản Viên cũng như vị thần là chủ nhân của đỉnh núi.  **- Tôn vinh thiên nhiên núi Tản Viên**: Tác giả sử dụng những hình ảnh tươi đẹp để miêu tả núi Tản Viên, ví von nó như một danh sơn hùng vĩ với bốn mặt tròn xoe, đỉnh sát từng trời, đất cao, và đá khe. Những từ ngữ này thể hiện sự kính trọng và tôn vinh vẻ đẹp hoang sơ của núi.  **- Vị thần chủ nhân đỉnh núi**: Tác giả sử dụng hình ảnh “bút hoa khôn vẽ cảnh thần tiên” để miêu tả vị thần là chủ nhân của đỉnh núi Tản Viên. Vị thần này được tôn vinh và kính trọng, và núi Tản Viên trở thành biểu tượng của đất Bắc.  Tóm lại, qua bài thơ, tác giả thể hiện tình cảm **kính trọng, tôn vinh và sự huyền bí** đối với thiên nhiên núi Tản Viên cũng như vị thần là chủ nhân của nó.  **Câu 3:** Bài thơ “Vịnh núi Tản Viên” của Cao Bá Quát truyền đạt một thông điệp sâu sắc về sự kính trọng và tôn vinh thiên nhiên, cũng như về vị thần là chủ nhân của núi Tản Viên.  - Tác giả miêu tả núi Tản Viên như một danh sơn hùng vĩ, đẹp đẽ và huyền bí, đồng thời tôn vinh vẻ đẹp hoang sơ của nó.  - Thông điệp chính của bài thơ là sự kính trọng và tôn vinh đối với thiên nhiên và vị thần, cùng với sự cao khiết và mạnh mẽ của núi Tản Viên. Núi Tản Viên không chỉ là một địa danh, mà còn là biểu tượng của đất Bắc, được tôn vinh và kính trọng bởi tác giả.  **Câu 4.** Trong hai tác phẩm “Trên đỉnh non Tản” của Nguyễn Tuân và “Vịnh Tản Viên sơn” của Cao Bá Quát, cả hai tác giả đều miêu tả vẻ đẹp của núi Tản Viên một cách tinh tế và hùng vĩ:  **- Hình ảnh núi Tản Viên**: Cả hai tác phẩm đều sử dụng hình ảnh để miêu tả núi Tản Viên. Núi được mô tả như một danh sơn hùng vĩ, đẹp đẽ và huyền bí. Đỉnh núi tròn như cái tán, rộng rãi bao la, đứng cao hùng vĩ, làm trấn sơn cho cả một vùng.  **- Tôn vinh thiên nhiên và vị thần**: Cả hai tác giả đều tôn vinh thiên nhiên núi Tản Viên và vị thần là chủ nhân của đỉnh núi. Núi Tản Viên không chỉ là một danh sơn hùng vĩ mà còn là biểu tượng của đất Bắc, được kính trọng và tôn vinh bởi tác giả.  Tuy cách miêu tả và ngôn ngữ sử dụng có thể khác nhau, nhưng điểm chung của cả hai tác phẩm là **sự tôn vinh và kính trọng đối với núi Tản Viên và vị thần là chủ nhân của nó.** |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ như: từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, ….thông qua các câu hỏi trắc nghiệm.

**b. Nội dung:** củng cố một số nét về nội dung và nghệ thuật về bài thơ “Vịnh Tản Viên sơn” (Cao Bá Quát)

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV cho HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời nhanh.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **Câu 1. Bài thơ “Vịnh Tản Viên sơn” được viết theo thể thơ nào?**  A. Thất ngôn bát cú.  B. Thất ngôn tứ tuyệt.  C. Ngũ ngôn tứ tuyệt.  D. Lục bát.  **Câu 2. Câu thơ *“Đá khe vui thú tiên không tuổi”* thể hiện điều gì?**  A. Khung cảnh núi Tản Viên hoang sơ, tĩnh lặng, thích hợp cho việc tu luyện.  B. Các loài động vật trên núi Tản Viên đều sống rất lâu.  C. Cảnh đẹp núi Tản Viên khiến con người ta cảm thấy trẻ lại.  D. Núi Tản Viên là nơi tiên cảnh, có nhiều tiên nhân cư ngụ.  **Câu 3. Điều gì làm cho Cao Biền và Đường Ý phải chịu bó tay?**  A. Vẻ đẹp hùng vĩ của núi Tản Viên.  B. Sức mạnh phi thường của vị thần núi Tản Viên.  C. Khí thế oai hùng của quân dân ta.  D. Ý chí quật cường của người dân Việt Nam.  **Câu 4. Câu thơ *“Phương nam chất ngất trấn trời nam”* thể hiện điều gì?**  A. Núi Tản Viên là nơi che chở và bảo vệ cho người dân Việt Nam.  B. Núi Tản Viên là niềm tự hào của người dân Nam Bộ.  C. Núi Tản Viên là biểu tượng cho sức mạnh và sự kiên cường của dân tộc ta.  D. Núi Tản Viên là ngọn núi đẹp nhất Việt Nam.  **Câu 5. Bài thơ “Vịnh Tản Viên sơn” có giá trị nghệ thuật nào nổi bật?**  A. Ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, nhưng vẫn hàm súc, gợi cảm.  B. Hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi.  C. Sử dụng nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, nhân hóa.  D. Thể hiện tình yêu nước sâu sắc của tác giả. |

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành**.**

**b. Nội dung:** Vẽ một bức tranh về cảnh núi Tản Viên hay danh lam thắng cảnh của đất nước mà em yêu thích.

**c. Sản phẩm:** Tranh vẽ của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV chuyển giao nhiệm vụ: Vẽ một bức tranh về cảnh núi Tản Viên hay danh lam thắng cảnh của đất nước mà em yêu thích.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ (làm ở nhà)

**B3. Báo cáo thảo luận:**

* GV tổ chức hoạt động **-** HS nhận xét

**B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét, đánh giá.

**4. Củng cố:** Một số biểu hiện cho thấy sự thống nhất giữa hình thức nghệ thuật và nội dung của bài thơ có thể là:

– Thể thơ thất ngôn bát cú, dùng chữ Hán thể hiện sắc thái trang trọng phù hợp với dụng ý “tả cảnh”.

– Các chi tiết chọn lọc, VB hàm súc, ý ngoài lời, giúp tác giả truyền tải chủ đề sông núi linh thiêng.

– Thơ trữ tình giúp tác giả bộc lộ tình cảm, cảm xúc qua tiếng nói của chủ thể trữ tình,...

**5. HDVN:**

- Ôn tập văn bản: *Vịnh Tản Viên sơn – Cao Bá Quát*

- Soạn văn bản: *Trên đỉnh non thần* – Nguyễn Tuân

**Tiết …. – ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**TRÊN ĐỈNH NON TẢN \_ Nguyễn Tuân**

*Thời gian thực hiện: 0,5 tiết*

GV soạn: Dương Thị Thảo Anh

Trường: THPT An Ninh, ấp Trà Lây 2, xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về năng lực**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,...; đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.

– Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung VB.

– Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ VB.

**2.Về phẩm chất**

Có ý thức tôn trọng sự thật và có niềm tin vào chân lí.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu hoặc bảng đa phương tiện dùng chiếu tranh ảnh, video clip tư liệu liên quan, nội dung các PHT, câu hỏi để giao nhiệm vụ HT cho HS.

- Bảng phụ, giá treo tranh (trưng bày sản phẩm HT của HS) (nếu có), giấy A4, A0/ A1/ bảng nhóm để HS trình bày kết quả làm việc nhóm, viết lông, keo dán giấy/ nam châm.

- SGK, SGV.

- Ảnh chân dung tác giả; tranh ảnh do GV chuẩn bị có liên quan đến nội dung chủ điểm (dùng cho hoạt động mở đầu) hoặc nội dung VB.

- Các PHT; bảng trình bày đặc điểm của thể loại tản văn được thể hiện qua văn bản.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (1’)

**a. Mục tiêu**: Kích hoạt kiến thức nền và tạo hứng thú cho HS.

**b.Nội dung:** HS tự tìm hiểu + sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của nhóm HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: | Gợi ý: HS trình bày nội dung tóm tắt |
| + HS làm việc cá nhân đọc VB sau đó thảo luận nhóm.  ?.Tóm tắt cốt truyện khoảng 10 dòng?  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS tham gia theo nhóm (dãy bàn). Hoạt động (1): nhóm 1 + 2; (2): nhóm 3 + 4.  - Đại diện 1 - 2 nhóm HS trình bày nội dung.  Các nhóm khác bổ sung (nếu có). GV ghi chú tóm tắt nội dung trả lời của HS trên bảng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện thành viên các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  - Đại diện 1 - 2 nhóm HS trả lời câu hỏi.  **Bước 4: Kết luận, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV không giới hạn phạm vi câu trả lời. HS thoải mái chia sẻ suy nghĩ của bản thân mình. |  |

**B**A full moon over a field of flowers

Description automatically generated**. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20’)**

**a. Mục tiêu:**

– Nhận biết và phân tích được một số yếu tố trong truyện truyền kì như: đề tài, nhân vật, ngôn ngữ, thủ pháp nghệ thuật,...; đánh giá được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện truyền kì, liên hệ với vai trò của yếu tố này trong truyện cổ dân gian.

– Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung VB.

– Phân tích và đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mĩ của tác phẩm; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ VB.

**b. Sản phẩm:** Bảng tóm tắt các yếu tố trong đặc điểm của truyện truyền kì qua VBTrên đỉnh non Tản.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu nội dung tác phẩm. Chia lớp thành nhóm, mỗi nhóm 2 dãy bàn, thực hiện thảo luận (HS có thể chuẩn bị trươc ở nhà).  **Nhóm 1.**  **Câu 1 (trang 92 sgk Ngữ văn 12 Tập 1):**Xác định đề tài, tóm tắt chuỗi hành động/ sự kiện được kể và chỉ ra mối quan hệ giữa chúng trong văn bản.  **Nhóm 2.**  **Câu 2 (trang 92 sgk Ngữ văn 12 Tập 1):** Tìm một số chi tiết kì ảo trong văn bản và điền vào bảng sau (làm vào vở)(phụ lục 1)  Nhóm 3  **Câu 3 (trang 92 sgk Ngữ văn 12 Tập 1):** Đồ vật kì ảo nào xuất hiện nhiều lần trong tác phẩm? Theo bạn, điều đó thể hiện dụng ý gì của tác giả?  Nhóm 4  **Câu 4 (trang 92 sgk Ngữ văn 12 Tập 1):**Việc mượn câu hát dân gian để làm đề từ cho tác phẩm có ý nghĩa gì?  Nhóm 5.  **Câu 5 (trang 92 sgk Ngữ văn 12 Tập 1):**Phân tích nhân vật Thần Non Tản và chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa nhân vật này và nhân vật Sơn Tinh trong bài thơ Sơn Tinh, Thủy Tinh của Nguyễn Nhược Pháp?  Nhóm 6.  **Câu 6 (trang 92 sgk Ngữ văn 12 Tập 1):**Xác định chủ đề, cảm hứng và thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.   * HS tiếp nhận nhiệm vụ.   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN**  **1- Đề tài**: thế giới linh thiêng, kì bí của các vị thần  **- Tóm tắt**: “Trên đỉnh non Tản” kể về một làng nghề thợ mộc sống ngay dưới chân núi Tản Viên, nơi mà mỗi 5 10 năm, thánh thần non Tản - người dân quen gọi với tên là Sơn thần, Sơn Tinh - sẽ hạ sơn một lần, nhằm tìm cho mình một toán thợ mộc, thợ đẽo đá tài tình nhất để trùng tu lại gia trang của mình nơi đền Thượng ở tít trên đỉnh cao nhất ngọn núi. Câu chuyện là chuyến hành trình của 1 nhóm thợ mộc được chọn để tu sửa và thăm thú cái thần kì của nơi chốn tiên cảnh, nhưng mãi mãi không được hé môi về những gì mình thấy, vì nếu không sẽ phạm lời thề với Sơn thần và nhận cái chết đau đớn.  → Các sự kiện được kể trong văn bản đã góp phần thể hiện rõ đề tài của văn bản.  **2. Phụ lục 1**  **3. Trong tác phẩm “Trên đỉnh non Tản”** của Nguyễn Tuân, đồ vật kì ảo con trúc đao xuất hiện nhiều lần. Đây là một chi tiết đặc biệt trong câu chuyện.  Con trúc đao không chỉ là một vật thể thông thường, mà còn mang theo một ý nghĩa sâu sắc. Nó được sử dụng để diệt trừ những con vật có phép biến hoá và đáng sợ, như trăn tỉnh và đại bàng sống lâu thành tinh. Thạch Sanh, nhờ vào con trúc đao, đã thực hiện những điều kỳ diệu và trở thành người gan dạ, dũng mãnh phi thường.  Từ đó, tác giả muốn thể hiện rằng sự kỳ ảo không chỉ là một yếu tố tạo nên sự hấp dẫn của câu chuyện, mà còn có vai trò quan trọng trong việc thể hiện sức mạnh và khả năng phi thường của nhân vật Thạch Sanh.  **4. Việc mượn câu hát dân gian để làm đề từ cho tác phẩm “Trên đỉnh non Tản”** của Nguyễn Tuân mang theo ý nghĩa sâu sắc và tạo ra một sự kết nối với truyền thống dân gian. Câu hát dân gian được sử dụng như một lời đề từ, giống như một lời mở đầu, để đưa người đọc vào không gian của câu chuyện. Ý nghĩa của việc này có thể được phân tích như sau:  - Kết nối với truyền thống: Câu hát dân gian là một phần của văn hóa dân gian, được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Việc sử dụng nó làm đề từ cho tác phẩm tạo ra một sự kết nối với quá khứ, với những câu chuyện, truyền thống và tâm hồn của người dân.  - Tạo bầu không khí: Câu hát dân gian thường mang theo một tâm trạng, một cảm xúc. Việc đặt nó ở đầu tác phẩm giúp tạo ra một bầu không khí, một tâm trạng cho câu chuyện. Nó có thể là một lời chúc may mắn, một lời cảm ơn, hoặc một lời kêu gọi.  - Gợi nhớ và tương tác: Câu hát dân gian thường đã quen thuộc với người đọc. Việc sử dụng nó làm đề từ có thể gợi nhớ lại những kỷ niệm, tạo ra sự tương tác giữa tác phẩm và người đọc.  Tóm lại, việc mượn câu hát dân gian để làm đề từ cho tác phẩm “Trên đỉnh non Tản” không chỉ là một cách để mở đầu câu chuyện một cách độc đáo, mà còn mang theo ý nghĩa sâu sắc về kết nối với truyền thống và tạo bầu không khí cho tác phẩm.  **5.**  **\* Thần Non Tản trong tác phẩm “Trên đỉnh non Tản”** của Nguyễn Tuân là một nhân vật có tính chất thần thoại và mang nhiều ý nghĩa:  **- Tính chất thần thoại:**  + Thần Non Tản là một vị thần, chúa miền non cao.  + Có khả năng siêu nhiên: có thể dời núi và lấp biển.  + Tài năng vượt trội: “vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.”  **- Vai trò và ý nghĩa:**  + Thần Non Tản đại diện cho thiên nhiên, sức mạnh của non cao, đất đá.  + Là người bảo vệ và cai quản ngọn núi Tản Viên.  + Tác giả muốn thể hiện rằng sự kỳ ảo không chỉ là một yếu tố tạo nên sự hấp dẫn của câu chuyện, mà còn có vai trò quan trọng trong việc thể hiện sức mạnh và khả năng phi thường của nhân vật Thần Non Tản  **\* So sánh:**  Thần Non Tản trong tác phẩm “Trên đỉnh non Tản” của Nguyễn Tuân và Sơn Tinh trong bài thơ “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh” của Nguyễn Nhược Pháp là hai nhân vật thần thoại có nhiều điểm tương đồng và khác biệt:  **- Tương đồng:**  + Cả hai đều là vị thần.  + Có khả năng siêu nhiên và tài năng vượt trội.  + Đại diện cho sức mạnh của thiên nhiên.  **- Khác biệt**:  + Hình dáng và sức mạnh:  Thần Non Tản: Có một mắt ở trán, Phi bạch hổ, oai phong lẫm liệt.  Sơn Tinh: Mang theo dáng vẻ phong trần, râu ria quăn xanh rì.  + Vai trò:  Thần Non Tản: Đại diện cho thiên nhiên, sức mạnh của non cao, đất đá. Bảo vệ và cai quản ngọn núi Tản Viên.  Sơn Tinh: Đại diện cho vùng nước thẳm, biểu trưng cho sức mạnh của dòng nước.  Tuy hai nhân vật này đều là vị thần, nhưng vai trò và sức mạnh của họ khác nhau, tạo nên sự đa dạng và hấp dẫn trong câu chuyện.  **6. - Chủ đề của bài văn “Trên đỉnh non Tản”** là khẳng định giá trị của công việc làm nghề đục gỗ. Văn bản này tạo ra một bức tranh về thế giới linh thiêng và kì bí của các vị thần, đặc biệt là thánh thần non Tản - người dân thường gọi là Sơn thần hoặc Sơn Tinh. Sơn thần thường hạ sơn một lần mỗi 5-10 năm để tìm cho mình một thợ mộc, thợ đẽo đá tài tình nhất để trùng tu lại gia trang của mình tại đền Thượng ở đỉnh cao nhất của ngọn núi. Câu chuyện xoay quanh hành trình của một nhóm thợ mộc được chọn để tu sửa và thăm thú cái thần kì của nơi chốn tiên cảnh, nhưng họ mãi mãi không được hé môi về những gì mình thấy, vì sẽ phạm lời thề với Sơn thần và chịu cái chết đau đớn.  - Cảm hứng chủ đạo của tác giả là niềm thương cảm sâu xa đối với số phận của những người như nàng Tiểu Thanh và khách văn nhân.  - Thông điệp trong văn bản là tình tri âm, tri kỉ, sự thấu cảm và tình thương yêu giữa con người là vô cùng quý báu và không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi người. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

1. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
2. **Nội dung:** Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của bản thân về ý nghĩa của tác phẩm “Trên đỉnh non Tản”.
3. **Sản phẩm học tập:** Đoạn văn trình bày cảm nhận của HS.
4. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Hoàn thành phiếu KWL (cột L).  - Viết đoạn văn ngắn nêu cảm nhận của bản thân về ý nghĩa của tác phẩm “Trên đỉnh non Tản”.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**   * Cá nhân HS vận dụng kiến thức đã học và trình bày cảm nghĩ. * GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).   **B3. Báo cáo thảo luận**   * GV mời 3 HS lên chia sẻ bài viết trước lớp.   **B4. Đánh giá kết quả thực hiện**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | *(Phần cảm nhận của HS)* |

*Phụ lục*

*Câu 2.*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi tiết về đồ vật kì ảo** | **Chi tiết về nhân vật kì ảo và phép thuật** | **STT** |
| 1 | Con trúc đào | Thần Non Tản | 1 |
| 2 | Cây ngân tiễn | Cô lái đò | 2 |

**PHẦN 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết …:**

*Thời gian thực hiện: 01 tiết*

GV soạn: Bùi Thanh Hiền

Trường: THPT Phạm Thành Trung, ấp 2, xã An Thái Trung, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang

GV soạn: Nguyễn Thị Hồng Vân

Trường: Trung cấp Du lịch – Kỹ Thuật Cam Ranh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nhắc lại được định nghĩa lỗi câu sai logic.

- Trình bày được đặc điểm lỗi câu sai logic.

- Xác định được những trường hợp câu bị sai logic.

1. **Về năng lực:**

**2.1. Năng lực đặc thù**

Viết được viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch***.***

**2.2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong HT.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết chủ động đề xuất mục đích hợp tác khi được giao nhiệm vụ.

**3. Về phẩm chất**: Có ý thức trong việc học tập, rèn luyện để phát triển bản thân, quan tâm và xác định các mục tiêu phấn đấu cho tương lai (qua việc thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*)

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:**

– SGK, SGV.

– Phiếu KWL (Hoạt động mở đầu), PHT.

**2. Học liệu:**

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |

**2. Kiếm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

– Kích hoạt được hiểu biết kiến thức nền liên quan đến nội dung bài học.

– Xác định được nội dung bài học và nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện.

**b. Nội dung:** Nội dung cột K và W trong phiếu KWL.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời miệng của HS về nhiệm vụ HT tiếng Việt cần thực hiện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) Cá nhân HS thực hiện cột K,W trong bảng sau đây:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K  *(Em đã biết gì về lỗi logic trong câu)* | W  *(Những điều em muốn biết thêm về lỗi logic trong câu và cách sửa nó)* | L  *(Những điều em đã học được về lỗi logic trong câu và cách sửa nó)* | | *…* | *…* | … |   (2) Sau khi thực hiện xong nhiệm vụ (1), đọc lướt nội dung phần *Lỗi câu sai logic và cách sửa* (SGK, tr. 68) và *Thực hành tiếng Việt* (SGK, tr. 82 – 83) để xác định nhiệm vụ HT.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS lần lượt thực hiện nhiệm vụ (1), (2).  **B3. Báo cáo thảo luận:**  2 HS trình bày. Các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  (1) GV ghi nhận những nội dung HS đã biết và muốn tìm hiểu về cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp; cách dùng dấu câu khi dẫn trực tiếp và gián tiếp dưới hình thức từ khoá/cụm từ trên bảng của lớp.  (2) GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ HT. |  |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. TRI THỨC TIẾNG VIỆT**

**a**. **Mục tiêu**:

Trình bày được khái niệm câu sai logic, nhận diện các loại lỗi sai logic và cách sửa.

**b. Nội dung:** Hoàn thành phiếu học tập

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS theo nội dung nhiệm vụ HT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Cá nhânHS đọc mục *Lỗi câu sai logic và cách sửa* (SGK, tr. 68) thực hiện PHT sau đây:  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS, tìm thông tin điền vào PHT.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  2 – 4 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, khen những HS thực hiện tốt yêu cầu được giao. | **Lỗi câu sai logic và cách sửa**  Câu sai logic là câu có ngữ nghĩa không phù hợp với logic thông thường. Dưới đây là một số loại câu sai logic thường gặp:  *\** **Câu có quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành phần, các vế không logic do dùng sai từ ngữ liên kết**  **Ví dụ**: *Hoàng là người hiền lành, chăm chỉ****nên****rất yêu thương vợ con.*  **- Phân tích lỗi:** Câu sai logic do dùng sai từ ngữ liê kết “nên” (hiền lành, chăm chỉ không phải là nguyên nhân của rất yêu thương vợ con).  **- Cách sửa**: *Hoàng là người hiền lành, chăm chỉ và rất yêu thương vợ con.*  **\* Câu chứa các thành phần đẳng lập không cùng phạm trù ngữ nghĩa.**  **Ví dụ:** *Tôi đã gặp anh ấy hai lần:****một lần vào năm ngoái, một lần ở Hà Nội.***  **- Phân tích lỗi**: Việc các thành phần đẳng lập (một lần vào năm ngoái, một lần ở Hà Nội) không có cùng phạm trù ngữ nghĩa khiến câu sai logic.  - **Cách sửa**:  (*1) Tôi đã gặp anh ấy hai lần: một lần vào năm ngoái, một lần vào tháng ba năm nay.*  *(2) Tôi đã gặp anh ấy hai lần: một lần ở Huế, một lần ở Hà Nội.*  **\* Câu có các hành động được sắp xếp không theo một trật tự hợp lí.**  **Ví dụ:** *Nó****nhắm mắt lại, cố gắng ngủ và nằm xuống giường****.*  **- Phân tích lỗi**: Việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí dẫn đến câu sai logic.  **- Cách sửa:** *Nó nằm xuống giường, nhắm mắt lại và cố gắng ngủ.* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP: CÂU SAI LOGIC   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Các dạng lỗi | Ví dụ | Phân tích và cách sửa | |  |  |  | |  |  |  | |  |  |  | |

**II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**a. Mục tiêu:**

- HS chỉ ra lỗi logic trong các bài tập.

- HS tìm các trường hợp sai lỗi logic trong báo chí và lời nói hằng ngày.

- HS đưa ra các cách sửa lỗi logic.

**b. Nội dung:**

HS thảo luận nhóm đôi và hoàn thiện bài tập 1,2,3 trong SGK.

**c. Sản phẩm:** Nội dung trả lời các bài tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT** | |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ:** HS theo hình thức nhóm đôi (think – pair – share) và làm các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt (SGK, tr.45)  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, thực hiện các bài tập ở phần Thực hành tiếng Việt, trao đổi với bạn cùng nhóm đôi.  **B3. Báo cáo thảo luận:** HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  **-** GV nhận xét cách HS thảo luận nhóm, từ đó kết luận về những lưu ý khi giao tiếp và hợp tác trong khi thảo luận để cùng giải quyết một vấn đề (bài tập) mà GV yêu cầu/ đặt ra  - GV nhận xét, kết luận đáp án đúng của các bài tập. | **Bài tập 1:**  **a. Phân tích lỗi**: Việc các thành phần đẳng lập (“truyện truyền kì” và “bài học này”) không có cùng phạm trù ngữ nghĩa khiến câu sai logic. “Truyện truyền kì” không phải cái chung, không thể bao gồm “bài học này”.  **Cách sửa**: Thêm từ ngữ để các thành phần đẳng lập cỏ quan hệ ngữ nghĩa tương hợp. *Trong truyện truyền kì nói chung và truyện truyền kì ở bài học này nói riêng, thế giới con người có sự kết nối với thế giới cõi âm.*  **b. Phân tích lỗi**: Việc các thành phần đẳng lập (“Nguyễn Trãi”, “Hồ Xuân Hương”, “Truyện Kiều”) không tương đồng về phạm trù ngữ nghĩa khiến cầu sai logic. Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương là tên tác giả trong khi *Truyện Kiều* là tên tác phẩm.  **Cách sửa**: Thêm bớt, thay đổi từ ngữ để các thành phần đẳng lập tương đồng về phạm trù ngữ nghĩa. Chẳng hạn: (1) *Người viết đã lấy các ví dụ trong thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương Nguyễn Du để chứng minh cho nhận định này*. Hoặc: (2) *Người viết đã lấy các ví dụ trong thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương và Truyện Kiều của Nguyễn Du để chứng minh cho nhận định này*.  **c. Phân tích lỗi:** “Tiểu thuyết”, “kịch” và “các thể thơ khác” không cùng cấp độ (tiểu thuyết, kịch là các thể loại văn học, trong khi “các thể thơ khác” không như vậy). Việc các thành phần đẳng lập không tương đồng về phạm trù ngữ nghĩa khiến câu sai logic.  **Cách sửa**: Thay đổi từ ngữ (*các thể thơ khác*) cho phù hợp hơn. *Em đã được học nhiều thể loại văn học như tiểu thuyết, kịch, thơ,...*  **d. Phân tích lỗi**: Việc các thành phần đẳng lập (“một người cao, gầy”, “một người mặc áo trắng, quần xanh”) không có cùng phạm trù ngữ nghĩa khiến câu sai logic. Trong khi “một người cao, gầy” để cập đến hình dáng thì “một người mặc áo trắng quấn xanh” lại đề cập đến trang phục.  **Cách sửa**: Thay đổi từ ngữ để các thành phần đẳng lập tương đồng về phạm trù ngữ nghĩa. Chẳng hạn: (1) *Trong rạp chiếu phim chỉ còn lại hai người: một người cao, gầy và một người thấp bé.* (2) *Trong rạp chiếu phim chỉ còn lại hai người: một người mặc váy đỏ và một người mặc áo trắng quần xanh.*  **đ. Phân tích lỗi**: Câu sai logic do dùng sai cặp từ ngữ liên kết “mặc dù ... nhưng”.  **Cách sửa**: Thay đổi cặp từ ngữ liên kết. *Vì đến muộn nên nó không kịp lên chiếc xe buýt cuối cùng*.  **e. Phân tích lỗi**: “Nhà trí thức” bao gồm “nhà khoa học”, vì vậy, ở trong câu này, việc đặt hai cụm từ trong một cấu trúc chọn lựa “một nhà trí thức hoặc một nhà khoa học” là không hợp lí.  **Cách sửa**: Bỏ bớt từ ngữ. Chẳng hạn: (1) *Mẹ tôi muốn tôi trở thành một nhà trí thức.* (2) *Mẹ tôi muốn tôi trở thành một nhà khoa học*.  **ê. Phân tích lỗi**: Việc sắp xếp các hành động không theo một trật tự hợp lí dẫn đến câu sai logic.  **Cách sửa**: Sắp xếp các hành động theo một trật tự hợp lí. *Vì quá đói, nó mở hộp cơm trưa ra, xúc từng muỗng nhai ngấu nghiến.*  **g. Phân tích lỗi:** Câu sai logic do dùng sai từ ngữ liên kết “nên” (“Thần Núi luôn là người chiến thắng” không phải là nguyên nhân của “sau các cuộc giao tranh, đền đài của ngài cũng có phần bị tổn hại”).  **Cách sửa**: Thay đổi từ ngữ liên kết. *Mặc dù Thần Núi luôn là người chiến thắng nhưng sau các cuộc giao tranh, đền đài của ngài cũng có phấn bị tổn hại.*  **h. Phân tích lỗi**: Câu có quan hệ ngữ nghĩa giữa các vế không logic. Cụm từ “sinh ra trong một gia đình giàu có” và “là một cô gái xinh đẹp” không thể đặt trong một quan hệ tương phản như trong ngữ liệu đã cho với cặp từ ngữ liên kết “mặc dù ... nhưng”. Tuy nhiên, “sinh ra trong một gia đình giàu có” và “rất giản dị” thì lại có thể dùng cặp từ ngữ liên kết “mặc dù ... nhưng”.  **Cách sửa**: Bỏ bớt thông tin “là một cô gái xinh đẹp” hoặc “sinh ra trong một gia đình giàu có”. (l) *Mặc dù sinh ra trong một gia đình giàu có nhưng Lan lại rất giản dị.* (2) *Lan là một cô gái xinh đẹp và rất giản dị*.  *Lưu ý:* Trường hợp này có thể có thêm những cách sửa khác nữa.  **Bài tập 2:** Nhận xét, góp ý choHS trên hai phương diện:  – HS có tìm đúng các câu sai logic trên báo chí hoặc trong lời nói hằng ngày hay không.  – HS có đề xuất cách sửa phù hợp hay không. |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng năng lực ngôn ngữ để thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết*.

**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) bàn về sức hấp dẫn của yếu tố kì ảo trong một tác phẩm văn học.

**c. Sản phẩm:** Đoạn văn bàn về sức hấp dẫn của yếu tố kì ảo trong một tác phẩm văn học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. THỰC HÀNH** | |
| **B1. Giao nhiệm vụ HT:**Cá nhân HS thực hiện bài tập *Từ đọc đến viết* ở nhà (SGK, tr. 83) và báo cáo kết quả thực hiện vào tiết *Ôn tập.* HS có thể chọn một trong hai đề bài sau:  – Sức hấp dẫn của thế giới kì ảo trong một truyện truyền kì hoặc cổ tích.  – Sức hấp dẫn của yếu tố kì ảo trong một truyện hiện đại.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ HT:** Cá nhân HS thực hiện và báo cáo sản phẩm vào tiết *Ôn tập*.  **B3. Báo cáo, thảo luận:**Cá nhân HS trình bày đoạn văn trên nhóm Zalo, Facebook của lớp. Những HS khác dựa theo Bảng kiểm về đoạn văn để nhận xét, trao đổi, bổ sung (nếu có).  **B4. Kết luận, nhận định:**GV dựa vào Bảng kiểm về đoạn văn để định hướng điều chỉnh cách sửa bài tập cho HS trong tiết *Ôn tập*. | Các bước để thực hiện bài tập:   * Đọc đề bài, gạch chân từ ngữ quan trọng để xác định yêu cầu của đề bài. * Tìm ý, sắp xếp ý cho đoạn văn. * Xác định kiểu đoạn văn sẽ tạo lập (diễn dịch, quy nạp hay tổng – phân – hợp). * Viết nhanh đoạn văn và đọc lại để chỉnh sửa từ ngữ, câu văn. |

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**: Khái quát kiến thức về lỗi câu sai logic.

**b. Nội dung:** HS thiết kế sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức về lỗi sai logic.

**c. Sản phẩm:** Sơ đồ tư duy do HS thực hiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS làm việc theo cá nhân, thiết kế một sơ đồ tư duy tóm tắt kiến thức về lỗi câu sai logic.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc xem lại phần Tri thức Ngữ văn và Thực hành tiếng Việt đã thực hiện và phác thảo ý tưởng sơ đồ tư duy.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ ý tưởng với các bạn trong lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). Trên cơ sở đó, HS tiếp tục hoàn thiện sản phẩm sơ đồ tư duy ở nhà.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV kết luận, nhận định, khái quát về kiến thức tiếng Việt HS cần nắm. |  |

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

**PHẦN 3. VIẾT**

**Tiết …..: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM TRUYỆN, KÍ HOẶC KỊCH**

*Thời gian thực hiện: 02 tiết*

GV soạn: Đặng Tường Vy

Trường: Trung tâm GDTX Cam Ranh, TP. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa

GV soạn: Đặng Thị Lê Tuyến

Trường: THPT Nguyễn Thị Định, xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

– Kiến thức kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch.

– Cách viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch.

**2. Về năng lực:**

**2.1. Năng lực đặc thù:**

– Biết viết VB đúng quy trình: Chuẩn bị viết; tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa.

– Viết được VB nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/kí hoặc kịch.

**2.2. Năng lực chung**

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua hoạt động làm việc nhóm.

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua việc chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

**3. Về phẩm chất**:

- Tôn trọng sự khác biệt trong phong cách cá nhân.

- Trung thực trong việc thu thập, phân tích tư liệu, nêu đầy đủ nguồn tài nguyên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

– Máy chiếu, micro, bảng, phấn.

- Phiếu học tập

– SGK, SGV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Tiết** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Xác định được nhiệm vụ viết của bài học.

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về nhiệm vụ HT cần thực hiện**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS đọc lướt tên đề mục phần kĩ năng *Viết,* đọc lại khung *Tri thức về kiểu bài* (SGK, tr. 20) đã học ở Bài 1: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ.  - GV đặt câu hỏi cho HS: Dựa vào tên đề mục phần kĩ năng *Viết và* nội dung phần *Tri thức về kiểu bài* đã học ở Bài 1: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ*,* cho biết ở bài học này, chúng ta sẽ thực hiện nhiệm vụ viết nào.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS làm việc cá nhân, đọc nội dung và tìm câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  1 – 2 HS trả lời trước lớp về nhiệm vụ HT sẽ thực hiện.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, xác nhận lại nhiệm vụ HT. Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch. | **Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.** |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Nội dung 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a**. **Mục tiêu**: Trình bày được yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.

**b. Nội dung:** HS trả lời được bố cục và yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời trên PHT của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhóm 2 HS hoàn thành PHT số 1 và số 2.  vPhiếu học tập 1: ***Yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.***  HS dựa vào những kiến thức đã học ở Bài 1: Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ. Trả lời các câu hỏi sau:  *Câu 1: Trình bày bố cục của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.*  *Câu 2: Khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch cần lưu ý những gì để đáp ứng yêu cầu về kiểu bài?*  vPhiếu học tập 2: **So sánh hai kiểu bài “*So sánh đánh giá hai tác phẩm thơ”* và “*So sánh đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.”***  Dựa vào những kiến thức mà em đã học em hãy chỉ ra những yếu tố nội dung và hình thức của hai kiểu bài *“So sánh đánh giá hai tác phẩm thơ” và “So sánh đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.”*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  Nhóm 2 HS hoàn thành PHT số 1 và PHT số 2  **B3. Báo cáo thảo luận:** 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận.  B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV góp ý cho câu trả lời của HS và nhắc lại yêu cầu đối với kiểu bài văn nghị luận **so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.**  GV nhận xét ý kiến của HS, lưu ý HS khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học, cần:  – Xác định đặc điểm thể loại của hai tác phẩm mà đề bài yêu cầu so sánh, đánh giá.  – Lần lượt so sánh, đánh giá từng phương diện của hai tác phẩm (nội dung, nghệ thuật), chỉ ra điểm tương đồng và khác biệt giữa hai tác phẩm (tham khảo bảng sau): | I. Yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.*1. Bố cục:*– Mở bài: Giới thiệu hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.– Thân bài: Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch. – Kết bài: Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.  ***2. Một số lưu ý khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/kí hoặc kịch.***  – Về nội dung: Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm theo yêu cầu của đề bài; kết hợp so sánh với nhận xét, đánh giá về giá trị của hai tác phẩm; phân tích sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm.  – Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như: sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; lập luận chặt chẽ; sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; diễn đạt mạch lạc;…  **II.** **So sánh hai kiểu bài “*So sánh đánh giá hai tác phẩm thơ”* và “*So sánh đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.”***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | So sánh, đánh giá  hai tác phẩm thơ | So sánh, đánh giá  hai tác phẩm truyện/ kí/ kịch | | So sánh các yếu tố nội dung | *Điểm tương đồng/ khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung của hai tác phẩm thơ:* đề tài, tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề; tư tưởng, thông điệp. | *Điểm tương đồng/ khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung của hai tác phẩm truyện/ kí/ kịch:* các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật, chủ đề, tư tưởng, thông điệp | | So sánh các yếu tố hình thức nghệ thuật | *Điểm tương đồng/ khác biệt về hình thức của hai tác phẩm thơ:* Thể thơ; từ ngữ, hình ảnh; vần, nhịp, đối, chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình. | *Điểm tương đồng/ khác biệt về hình thức của hai tác phẩm truyện/ kí/ kịch:*  – Truyện: cách xây dựng nhân vật, cách kể chuyện, ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật,...  – Kịch: cốt truyện, hành động, xung đột, lời chỉ dẫn sân khấu, lời thoại,...  – Kí: từ ngữ, hình ảnh, lời văn,... tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, thái độ và đánh giá của người viết,... | |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Yêu cầu của kiểu bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch**  **Câu 1:** Trình bày bố cục của kiểu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch.   |  | | --- | |  |   **Câu 2:** Khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch cần lưu ý những gì để đáp ứng yêu cầu về kiểu bài?  ……………………………………………………………………………………....  ……………………………………………………………………………………... |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Hoàn thành bảng sau:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | So sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ | So sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/kí/ kịch. | | So sánh các yếu tố nội dung |  |  | | So sánh các yếu tố hình thức nghệ thuật |  |  | |

**Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a**. **Mục tiêu**: Nhận biết được các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích ngữ liệu tham khảo.

**b. Nội dung:** Tìm hiểu kiểu bài nghị luận *so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch* cụ thể qua bài tham khảo.

**c. Sản phẩm:** Các câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích ngữ liệu tham khảo: Bài viết *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) *– những điểm tương đồng, khác biệt nhìn từ thể loại và phong cách*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) GV yêu cầu cá nhân HS đọc ngữ liệu: *Người lái đò Sông Đà* (Nguyễn Tuân), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (Hoàng Phủ Ngọc Tường) *– những điểm tương đồng, khác biệt nhìn từ thể loại và phong cách* (SGK, tr. 93–95), đối chiếu những phần được đánh số trong VB và box thông tin tương ứng ở bên phải VB.  (2) GV cho HS thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) về các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu văn bản (SGK, tr. 93 – 95).  *Câu 1: Cụm từ nào trong nhan đề và các đoạn mở bài, kết bài cho thấy đề tài của bài viết đã được xác định rõ ràng, cụ thể?*  *Câu 2: Tác giả bài viết so sánh, đánh giá hai tác phẩm trên những tiêu chí nào?*  *Câu 3: Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả bài viết khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm.*  *Câu 4: Nêu một số mẫu câu mà người viết thường dùng nhằm làm rõ sự tương đồng/ khác biệt giữa hai tác phẩm.*  *Câu 5: Từ bài viết trên đây, bạn rút ra những lưu ý gì khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học?*  (3) Nhóm 4 HS vẽ sơ đồ kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  HS lần lượt thực hiện 3 nhiệm vụ được giao.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Đại diện 3 nhóm HS trình bày câu trả lời, các nhóm khác bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét câu trả lời của HS, hướng dẫn HS xác định các yêu cầu bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch theo gợi ý của phần trình bày VB mẫu (SGK, tr. 93 – 95)*.* | **III. Phân tích kiểu văn bản:**  **Câu 1:** Cụm từ trong nhan đề và các đoạn mở bài, kết bài cho thấy đề tài của bài viết đã được xác định rõ ràng, cụ thể là:  – Nhan đề: ***Những điểm tương đồng, khác biệt.***  – Mở bài: ***Sự tương đồng và khác biệt trong lối viết giữa hai tác giả.***  – Kết bài: ***Hai tác phẩm cũng cho thấy … dù…***  **Câu 2:** Các tiêu chí để đưa ra so sánh:  – Thể loại  – Đề tài  – Cách quan sát miêu tả đối tượng  – Cách huy động kiến thức đời sống  – Sử dụng ngôn từ  – Cái “tôi” trữ tình.  **Câu 3:** Khi đưa ra luận điểm, người viết luôn đưa kèm lí lẽ và bằng chứng trong VB.  Ví dụ: Khi nhận xét về sự khác biệt trong việc quan sát, miêu tả dòng sông:  – Nguyễn Tuân chú ý đến vẻ đẹp tự nhiên hùng vĩ của sông Đà: *“hung bạo", cuộc sống kịch tính”,*…  – Hoàng Phủ Ngọc Tường quan sát vẻ đẹp văn hoá giàu màu sắc trữ tình: *“thiên tính nữ”, man dại của cô gái Di gan,…*  **Câu 4:**Một số mẫu câu mà người viết thường dùng nhằm làm rõ sự tương đồng/ khác biệt giữa hai tác phẩm.  – Sự tương đồng trong cách lựa chọn thể loại, đề tài,…  – Tuy nhiên, hai thiên tuỳ bút mang hai phong cách khác nhau.  – Nét khác biệt trong cách quan sát, miêu tả.  – Nét riêng trong cách huy động kiến thức đời sống và sử dụng ngôn từ.  **Câu 5:** Lưu ý gì khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học.  – Làm rõ những điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm bằng cách dùng một số ***mẫu câu so sánh như: “nếu… thì…”, “tác phẩm A đã cho thấy… còn tác phẩm B…”, “trong khi tác phẩm A… thì tác phẩm B…”...***  *-* Có thái độ khách quan, tránh lối diễn đạt cảm tính, chủ quan trong so sánh, đánh giá.  **IV. Sơ đồ kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học: (Phụ lục)** |

**Phụ lục: Sơ đồ kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học**

**MỞ BÀI**

**THÂN BÀI**

Giới thiệu tác phẩm, tác giả, thể loại

Luận điểm làm rõ sự tương đồng giữa hai tác phẩm

Luận điểm làm rõ sự khác biệt giữa hai tác phẩm

**KẾT BÀI**

Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá

Khẳng định lại những điểm chung và nét độc đáo của mỗi tác phẩm

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)**

**1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết**

**1.1. Hoạt động xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

**a. Mục tiêu:**

- Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài.

- Xác định được mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết sẽ thực hiện.

**b. Nội dung :** HS biết cách triển khai xác định các bước chuẩn bị viết bài so sánh, đánh giá

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  *GV cho HS :* ***Viết bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện , kí hay kịch theo bạn là có điểm tương đồng hay / khác biệt***  *Sau đó, yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi:*  *– Bạn sẽ chọn so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ nào? Vì sao bạn chọn tác phẩm ấy?*  *– Với đề bài này, bạn sẽ viết bài văn cho ai đọc, nhằm mục đích gì?*  *– Với đối tượng và mục đích ấy, bạn dự định sẽ chọn nội dung và hình thức trình bày như thế nào cho phù hợp?*  – *Tư liệu tham khảo có thể bao gồm những nguồn nào? Có thể tìm được ở đâu?*  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:***:*HS làm việc cá nhân và suy nghĩ câu trả lời.  **B3. Báo cáo thảo luận:***:*Đại diện 1 – 2HS trình bày câu trả lời trước lớp.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV nhận xét câu trả lời của HS. | - Tùy bút Người lái đò Sông Đà (Nguyễn Tuân), Ai đã đặt tên cho dòng sông? (Hoàng Phủ Ngọc Tường). Vì có những điểm tương đồng/ khác biệt nhìn từ thể loại và phong cách.  **- Đối tượng** người đọc là thầy cô, bạn bè,...  **- Mục đích viết:** ngoài mục đích thuyết phục người đọc về quan điểm, ý kiến của bản thân.  **- Đề tài:**  + Có thể chọn một trích đoạn tùy bút Người lái đò sông Đà đã học hoặc Bút kí Ai đã đặt tên cho dòng sông của HPNT.  + Hai đứa trẻ ( Thạch Lam ) và Chiếc thuyền ngoài xa ( NMC) : tương đồng về giá trị nghệ thuật và cuộc đời  Tư liệu SGK về hai tác phẩm tùy bút . kí và truyện ngắn của Nguyễn Tuân, HPNT, Thạch Lam, NMC,... Tìm ở thư viện hoặc nguồn học liệu trên trang mạng,.. |

**1.2. Hoạt động làm mẫu thao tác quy trình viết**

**a. Mục tiêu:** Biết cách thực hiện những thao tác trong quy trình viết

**b. Nội dung : Thực hiện quy trình viết**

**c. Sản phẩm:** Câu hỏi của HS về những thao tác mình chưa biết rõ trong quy trình viết.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  GV cho HS xem lại Phiếu học tập về quy trình viết đã thực hiện và yêu cầu HS đưa ra những câu hỏi về quy trình viết.  **\* Thực hiện nhiệm vụ học tập**  Học xem lại Phiếu học tập và ghi ra những câu hỏi về những kĩ năng mình chưa rõ.  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV mời 2 – 3 HS nêu câu hỏi trước lớp.  **\* Kết luận, nhận định**  GV tổng hợp các câu hỏi và giải đáp những câu hỏi có vấn đề hoặc những câu hỏi mà nhiều HS còn gặp khó khăn, vướng mắc. GV có thể làm mẫu quy trình viết để HS hình dung kĩ năng viết một cách trực quan. | Hs thực hiện PHT số 1 và PHT số 2; viết bài |

**2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (thực hiện tại nhà)**

**a. Mục tiêu:** Biết cách tìm ý, lập dàn ý và viết bài nghị luận ***Viết bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện , kí hay kịch theo bạn là có điểm tương đồng hay / khác biệt***

**b.** Nội dung : HS lập dàn ý và viết bài hoàn chỉnh

c.**Sản phẩm:** Sơ đồ tìm ý, dàn ý, bài viết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* Giao nhiệm vụ học tập**  GV giao cho HS về nhà thực hiện tìm ý (theo PHT số 1) lập dàn ý (theo PHT số 2) và viết bài.  **Đề bài** : Bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm : *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam) và *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) điểm tương đồng/ khác biệt.  **\* Thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS về nhà thực hiện tìm ý, lập dàn ý và viết bài.  **\* Báo cáo thảo luận**  Bài viết của HS sẽ được đọc trong tiết Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm được tổ chức trên lớp sau đó.  **\* Kết luận, nhận định**  GV sẽ đánh giá sản phẩm bài viết của HS dựa vào bảng kiểm trong SGK trong tiết chia sẻ bài viết trên lớp (thực hiện sau khi cho HS xem lại và chỉnh sửa rút kinh nghiệm). | **Gợi ý :**  **So sánh và đánh giá hai tác phẩm “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam và “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu**  **A. Mở bài**  Hai tác phẩm “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam và “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu là hai trong những tác phẩm nổi bật của văn học Việt Nam, mỗi tác phẩm mang đậm dấu ấn riêng biệt của tác giả và thời đại. Cả hai tác phẩm đều có điểm chung là tập trung khai thác cuộc sống và số phận của những con người nghèo khổ, nhưng cách thể hiện và góc nhìn của mỗi tác giả lại có sự khác biệt rõ rệt.  **B. Thân bài**  **B.1: Điểm tương đồng**  **- Chủ đề và nội dung:**  + Cả hai tác phẩm đều hướng đến khai thác cuộc sống của những con người nghèo khổ trong xã hội. “Hai đứa trẻ” tập trung vào cuộc sống tẻ nhạt, buồn bã của hai chị em Liên và An tại một ga xép nhỏ, trong khi đó “Chiếc thuyền ngoài xa” lại xoay quanh cuộc sống đầy bi kịch của gia đình ngư dân nghèo.  + Cả hai tác phẩm đều khắc họa rõ nét sự nghèo khó, vất vả và mơ hồ về tương lai của những con người ở tầng lớp dưới đáy xã hội.  **- Nghệ thuật miêu tả:**  + Thạch Lam và Nguyễn Minh Châu đều sử dụng ngôn ngữ miêu tả tinh tế, giàu cảm xúc để tạo nên những bức tranh sống động về cuộc sống và số phận của nhân vật.  + Cả hai tác giả đều có khả năng khắc họa tâm lý nhân vật một cách sâu sắc, giúp người đọc cảm nhận được những nỗi đau, niềm hy vọng mơ hồ của nhân vật.  **B. 2: Điểm khác biệt**  **- Phong cách nghệ thuật:**  + Thạch Lam trong “Hai đứa trẻ” sử dụng ngôn ngữ nhẹ nhàng, tinh tế, với những chi tiết miêu tả tỉ mỉ, mang đậm chất trữ tình. Tác phẩm của ông giống như một bức tranh buồn man mác về cuộc sống nơi thị trấn nhỏ.  + Ngược lại, Nguyễn Minh Châu trong “Chiếc thuyền ngoài xa” lại có phong cách miêu tả hiện thực, sắc sảo, đôi khi đầy cay đắng. Tác phẩm của ông mang tính chất hiện thực phê phán, phản ánh những bi kịch, mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình và xã hội.  **B. 3: Góc nhìn và thông điệp**  - Thạch Lam nhìn cuộc sống qua lăng kính của một người mơ mộng, cảm nhận sâu sắc những nỗi buồn và sự tẻ nhạt, nhưng cũng đồng thời tràn đầy hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn. Tác phẩm của ông mang đến cho người đọc cảm giác nhẹ nhàng, man mác nhưng đầy lạc quan.  - Trong khi đó, Nguyễn Minh Châu lại nhìn cuộc sống một cách thực tế hơn, với nhiều mâu thuẫn, bi kịch. Tác phẩm của ông không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cuộc sống nghèo khó mà còn phản ánh những xung đột, đau khổ trong mối quan hệ gia đình, qua đó gửi gắm thông điệp về sự cảm thông, thấu hiểu và những giá trị nhân văn sâu sắc.  **C. Kết bài**  Hai tác phẩm “Hai đứa trẻ” và “Chiếc thuyền ngoài xa” tuy khác nhau về phong cách nghệ thuật và góc nhìn, nhưng đều mang lại những giá trị nhân văn sâu sắc và sự cảm thông đối với những con người nghèo khổ trong xã hội. Qua đó, mỗi tác phẩm đều để lại dấu ấn riêng trong lòng người đọc, giúp chúng ta hiểu và trân trọng hơn những giá trị cuộc sống.  **Lưu ý:** Có thể hoán đổi vị trí của luận điểm thứ nhất và thứ hai.  **3. Viết bài : HS thực hiện viết bài theo dàn bài**  Từ dàn ý đã lập, bạn hãy viết bài văn theo một số gợi ý:  - Nêu rõ luận điểm trong câu chủ đề.  - Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.  - Có thể trích dẫn một số ý kiến đánh giá về tác phẩm của các nhà phê bình văn học/nghệ thuật để tăng sức thuyết phục cho lí lẽ và bằng chứng. |

**3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm**

**3.1. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa**

**a. Mục tiêu:** Biết cách xem lại, chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

**b. Nội dung:** Xem lại bài viết và kiểm tra chỉnh sửa bài viết

**c. Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HSd

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  Thực hiện theo nhóm đôi, trao đổi bài viết cho bạn cùng nhóm để đọc và góp ý cho nhau (dựa vào bảng kiểm).  ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS đọc bài của bạn và nhận xét dựa vào bảng kiểm. Với các tiêu chí “chưa đạt”, HS ghi chú lí giải, phân tích nguyên nhân.  ***\* Báo cáo thảo luận***  GV gọi 2 - 3 HS trình bày kết quả thảo luận.  ***\* Kết luận, nhận định***  GV tổng hợp những điểm cần lưu ý (ưu điểm, nhược điểm) về các bài viết của HS (dựa trên bảng kiểm).  GV đánh giá và nhận xét về khâu chuẩn bị bài ở nhà của HS, từ đó đưa ra những lưu ý về kĩ năng tự chủ, tự học khi chuẩn bị bài viết ở nhà. | Hs thực hành. |

**3.2. Hoạt động rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Rút ra được kinh nghiệm khi viết VB nghị luận so sánh , đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hay kịch về điểm tương đồng/khác biệt

**b. Nội dung :** Kĩ năng viết bài đạt, đúng kĩ năng, rèn năng lực viết bài

**c.Sản phẩm:** Những kinh nghiệm rút ra của HS khi viết VB nghị luận so sánh , đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hay kịch về điểm tương đồng/khác biệt

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  VB nghị luận so sánh , đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hay kịch về điểm tương đồng/khác biệt  ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân, chuẩn bị trình bày.  **\* Báo cáo thảo luận**  GV mời 1 – 2 HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được. Các HS khác nhận xét, bổ sung.  ***\* Kết luận, nhận định***  GV tổng kết, nhận xét, đánh giá, kết luận về kinh nghiệm viết HS cần nắm. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (Thực hiện tại nhà)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng quy trình viết bài luận VB nghị luận so sánh , đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hay kịch về điểm tương đồng/khác biệt

**b. Nội dung :** Rèn viết bài nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm

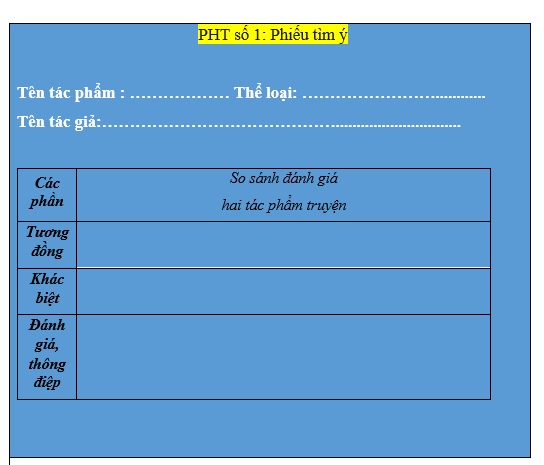
**c.Sản phẩm:** Bài viết đã được công bố của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Giao nhiệm vụ học tập***  Từ bài viết đã được đọc, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ:  - Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố.  - Chọn một đề tài khác để viết bài nghị luận và công bố.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  HS về nhà thực hiện chỉnh sửa bài viết hoặc viết bài mới sau đó công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, trên bảng thông tin trong lớp học,…  ***\* Báo cáo, thảo luận***  HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến GV và các bạn khác trong lớp.  ***\* Kết luận, nhận định***  GV và HS lại tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố (ví dụ nếu bài viết trên blog cá nhân, trên trang web thì có thể thực hiện thao tác đánh giá bằng cách tương tác bình luận hoặc các nút cảm xúc,…). |  |

**IV. Phục lục**

* **Hồ sơ học tập:**

****

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: LẬP DÀN Ý   |  |  | | --- | --- | | Đề bài :So sánh và đánh giá hai tác phẩm "Hai đứa trẻ" của Thạch Lam và "Chiếc thuyền ngoài xa" của Nguyễn Minh Châu | | | Mở bài |  | | Thân bài |  | | Kết bài |  | |

**Bài tham khảo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Gợi ý** :   PHT số 1: Phiếu tìm ý  Tên tác phẩm : ……………… Thể loại: ……………………............  Tên tác giả:……………………………………..............................   |  |  | | --- | --- | | ***Các phần*** | *So sánh đánh giá*  *hai tác phẩm truyện* | | ***Tương đồng*** | **- Chủ đề và nội dung:**  + Cả hai tác phẩm đều hướng đến khai thác cuộc sống của những con người nghèo khổ trong xã hội. “Hai đứa trẻ” tập trung vào cuộc sống tẻ nhạt, buồn bã của hai chị em Liên và An tại một ga xép nhỏ, trong khi đó “Chiếc thuyền ngoài xa” lại xoay quanh cuộc sống đầy bi kịch của gia đình ngư dân nghèo.  + Cả hai tác phẩm đều khắc họa rõ nét sự nghèo khó, vất vả và mơ hồ về tương lai của những con người ở tầng lớp dưới đáy xã hội.  **- Nghệ thuật miêu tả:**  + Thạch Lam và Nguyễn Minh Châu đều sử dụng ngôn ngữ miêu tả tinh tế, giàu cảm xúc để tạo nên những bức tranh sống động về cuộc sống và số phận của nhân vật.  + Cả hai tác giả đều có khả năng khắc họa tâm lý nhân vật một cách sâu sắc, giúp người đọc cảm nhận được những nỗi đau, niềm hy vọng mơ hồ của nhân vật. | | ***Khác biệt*** | **\* Phong cách nghệ thuật:**  - Thạch Lam trong “Hai đứa trẻ” sử dụng ngôn ngữ nhẹ nhàng, tinh tế, với những chi tiết miêu tả tỉ mỉ, mang đậm chất trữ tình. Tác phẩm của ông giống như một bức tranh buồn man mác về cuộc sống nơi thị trấn nhỏ.  - Ngược lại, Nguyễn Minh Châu trong “Chiếc thuyền ngoài xa” lại có phong cách miêu tả hiện thực, sắc sảo, đôi khi đầy cay đắng. Tác phẩm của ông mang tính chất hiện thực phê phán, phản ánh những bi kịch, mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình và xã hội.  **\* Góc nhìn và thông điệp:**  - Thạch Lam nhìn cuộc sống qua lăng kính của một người mơ mộng, cảm nhận sâu sắc những nỗi buồn và sự tẻ nhạt, nhưng cũng đồng thời tràn đầy hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn. Tác phẩm của ông mang đến cho người đọc cảm giác nhẹ nhàng, man mác nhưng đầy lạc quan.  - Trong khi đó, Nguyễn Minh Châu lại nhìn cuộc sống một cách thực tế hơn, với nhiều mâu thuẫn, bi kịch. Tác phẩm của ông không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cuộc sống nghèo khó mà còn phản ánh những xung đột, đau khổ trong mối quan hệ gia đình, qua đó gửi gắm thông điệp về sự cảm thông, thấu hiểu và những giá trị nhân văn sâu sắc. | | ***Đánh giá, thông điệp*** | Hai tác phẩm “Hai đứa trẻ” và “Chiếc thuyền ngoài xa” tuy khác nhau về phong cách nghệ thuật và góc nhìn, nhưng đều mang lại những giá trị nhân văn sâu sắc và sự cảm thông đối với những con người nghèo khổ trong xã hội. Qua đó, mỗi tác phẩm đều để lại dấu ấn riêng trong lòng người đọc, giúp chúng ta hiểu và trân trọng hơn những giá trị cuộc sống. | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Gợi ý : **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: LẬP DÀN Ý**   |  |  | | --- | --- | | **Đề bài : So sánh và đánh giá hai tác phẩm “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam và “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu** | | | **Mở bài** | - Giới thiệu tác phẩm, tác giả, thể loại và vấn đề nghị luận.  - Hai tác phẩm “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam và “Chiếc thuyền ngoài xa” của Nguyễn Minh Châu là hai trong những tác phẩm nổi bật của văn học Việt Nam | | **Thân bài** | **1. Điểm tương đồng**  **\* Chủ đề và nội dung:**  - Cả hai tác phẩm đều hướng đến khai thác cuộc sống của những con người nghèo khổ trong xã hội. “Hai đứa trẻ” tập trung vào cuộc sống tẻ nhạt, buồn bã của hai chị em Liên và An tại một ga xép nhỏ, trong khi đó “Chiếc thuyền ngoài xa” lại xoay quanh cuộc sống đầy bi kịch của gia đình ngư dân nghèo.  - Cả hai tác phẩm đều khắc họa rõ nét sự nghèo khó, vất vả và mơ hồ về tương lai của những con người ở tầng lớp dưới đáy xã hội.  **\* Nghệ thuật miêu tả:**  - Thạch Lam và Nguyễn Minh Châu đều sử dụng ngôn ngữ miêu tả tinh tế, giàu cảm xúc để tạo nên những bức tranh sống động về cuộc sống và số phận của nhân vật.  - Cả hai tác giả đều có khả năng khắc họa tâm lý nhân vật một cách sâu sắc, giúp người đọc cảm nhận được những nỗi đau, niềm hy vọng mơ hồ của nhân vật.  **2. Điểm khác biệt**  **- Phong cách nghệ thuật:**  + Thạch Lam trong “Hai đứa trẻ” sử dụng ngôn ngữ nhẹ nhàng, tinh tế, với những chi tiết miêu tả tỉ mỉ, mang đậm chất trữ tình. Tác phẩm của ông giống như một bức tranh buồn man mác về cuộc sống nơi thị trấn nhỏ.  + Ngược lại, Nguyễn Minh Châu trong “Chiếc thuyền ngoài xa” lại có phong cách miêu tả hiện thực, sắc sảo, đôi khi đầy cay đắng. Tác phẩm của ông mang tính chất hiện thực phê phán, phản ánh những bi kịch, mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình và xã hội.  **- Góc nhìn và thông điệp:**  + Thạch Lam nhìn cuộc sống qua lăng kính của một người mơ mộng, cảm nhận sâu sắc những nỗi buồn và sự tẻ nhạt, nhưng cũng đồng thời tràn đầy hy vọng về một tương lai tốt đẹp hơn. Tác phẩm của ông mang đến cho người đọc cảm giác nhẹ nhàng, man mác nhưng đầy lạc quan.  + Trong khi đó, Nguyễn Minh Châu lại nhìn cuộc sống một cách thực tế hơn, với nhiều mâu thuẫn, bi kịch. Tác phẩm của ông không chỉ dừng lại ở việc miêu tả cuộc sống nghèo khó mà còn phản ánh những xung đột, đau khổ trong mối quan hệ gia đình, qua đó gửi gắm thông điệp về sự cảm thông, thấu hiểu và những giá trị nhân văn sâu sắc. | | **Kết bài** | **Đánh giá chung giá trị của hai tác phẩm; gợi mở thêm vấn đề nghị luận**: Hai tác phẩm “Hai đứa trẻ” và “Chiếc thuyền ngoài xa” tuy khác nhau về phong cách nghệ thuật và góc nhìn, nhưng đều mang lại những giá trị nhân văn sâu sắc và sự cảm thông đối với những con người nghèo khổ trong xã hội … | |

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM**

**TRUYỆN/ KÍ HOẶC KỊCH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Nội dung kiểm tra* | | *Đạt* | *Chưa đạt* |
| *Mở bài* | Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...) |  |  |
| Nêu khái quát nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá |  |  |
| *Thân bài* | Phân tích, so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm |  |  |
| Phân tích, so sánh điểm khác biệt của hai tác phẩm |  |  |
| Đánh giá phong cách sáng tác của mỗi tác phẩm (nếu cần) |  |  |
| Lập luận chặt chẽ, thể hiện được nhung suy nghĩ, cảm nhận riêng của người viết về hai tác phẩm |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ hai tác phẩm |  |  |
| *Kết bài* | Khẳng định lại những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm (truyện/ kí hoặc kịch) |  |  |
| Nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả (nếu cần) |  |  |
| *Kĩ năng trình bày, diễn đạt* | Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu bố cục của kiểu bài |  |  |
| Sử dụng được một số mẫu câu so sánh; từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giũa các luận điểm, giữa lí lẽ với bằng chứng |  |  |

**Bài viết tham khảo:**

Nơi nghệ thuật ta kiếm tìm hiện thực ở những góc nhìn khác. Những góc nhìn mà ở nơi ấy hiện thực được toàn vẹn là chính nó với những góc khuất, những niềm đau và cũng là chính nó với những điều đẹp đẽ và cao cả. Để rồi giữa những hiện thực được nhìn nhận ấy, ta nuôi dưỡng nơi mình một khát vọng được sống và được yêu thương, một niềm tin vào chính mình và cuộc đời. Nếu dưới ngòi bút của Thạch Lam giữa những ngày đất nước chưa tìm lại được độc lập, hiện thực hiện lên tựa như cảnh phố huyện nghèo chỉ sáng chói lúc con tàu vụt qua thì dưới ngòi bút của Nguyễn Minh Châu giữa những ngày đất nước vẫn chìm đắm sau ánh hào quang mà cuộc chiến để lại, những điều ta ngỡ là tất cả lại đổ vỡ trước ánh nhìn cận cảnh.

Có người từng nói, nhà văn là những nhà thư ký trung thành của thời đại. Hai bức tranh về hiện thực được dựng xây bởi Thạch Lam và Nguyễn Minh Châu có lẽ cũng đem theo hiện thực lịch sử ấy.

Thạch Lam khắc họa lên khung cảnh phố huyện nghèo, nơi con người khó khăn kiếm lấy cho mình chút gì đó để sống qua ngày. Câu truyện bắt đầu với ánh chiều dần tắt, những cửa hàng nhỏ lên đèn, những ánh sáng leo lắt khiến cho con dường một bên sáng một bên tối, tất cả tựa như bị nuốt chửng trước khoảnh khắc ngày tàn. Cảm nhận về ánh sáng mong manh hơn trước sự rệu rã nơi con người. Có lẽ nỗi đói khổ, sự tuần hoàn yên ả nơi phố huyện đã lấy đi nơi họ những khát vọng về một ánh sáng. Những kiếp đời sống mòn trước ngưỡng cửa của hiện thực. Tiếng cười dài của bà cụ Thi vang vọng khắp phố huyện. Tiếng cười của những cơn say, tiếng cười của những nỗi ám ảnh về kiếp sống rệu rã mỏi mệt. Sự chán nản của chị Tý dẫu dọn hàng sớm hay muộn thì có khác gì, sự im lặng của nhà bác hát sẩm khi khác chưa bước tới, cái bóng của bác phở Siêu đổ dài trước ánh lửa. Bức tranh về hiện thực phố huyện ở những năm đất nước chưa lấy được lại độc lập hiện lên trước mắt người đọc, một bức tranh buồn, mỏi mệt, rệu rã.

Bức tranh đầu tiên Nguyễn Minh Châu đem tới trước mắt người đọc lại là một bức tranh rất đẹp. Bức tranh khiến Phùng ngỡ đó là mục đích của cả chuyến đi dài, là điều mà nghệ thuật hướng tới. Con thuyền nơi ngoài xa đẹp và yên bình trên mặt biển mờ sương. Cả gia đình ngồi im lặng trên chiếc thuyền nhỏ. Tất cả khắc tạc lên một vẻ đẹp toàn bích. Có lẽ đó cũng là bức tranh của đất nước sau những năm giành lại được độc lập. Chúng ta sống giữa những hào quang sau cuộc chiến, những hạnh phúc sau khi nhận được chiến thắng, tựa như phùng khoảnh khắc nhìn thấy con tàu giữa bóng sương mờ, anh cả thấy trái tim mình tự như bị bóp chặt.

Nhưng hiện thực không chỉ nằm nơi những bề nổi dễ thấy. Hiện thực nằm nơi chúng được đổ bóng. Nơi chúng được cho một khoảng không để trọn vẹn là chính chúng.

Phố huyện nghèo nơi những áng văn của Thạch Lam như được thắp lên một niềm hi vọng khi đoàn tàu đến. Đoàn tàu tựa như một Hà Nội đã xa trong chị em Liên, đoàn tàu tựa như thứ ánh sáng có thể xua đi bóng đêm nơi phố huyện nghèo. Cảm thức về một Hà Nội, về một cuộc sống đa sắc màu dường như nuôi dưỡng trong chị em Liên và những người đợi chờ con tàu ấy một khát vọng. Một khát vọng hướng tới ánh sáng, một khát vọng chấm dứt những rệu rã và mỏi mệt. Tiềm ẩn sau bức tranh phố huyện nghèo là một khát vọng, một khát vọng được hướng tới ánh sáng, thoát khỏi sự bao trùm của bóng đêm.

Con thuyền ngoài xa nơi áng văn của Nguyễn Minh Châu hiện lên rõ nét trước ánh nhìn cận cảnh. Phùng chứng kiến cảnh từng người trên chiếc thuyền ấy cố gắng đánh đập thậm chí lấy đi mạng sống của nhau. Người chồng đánh vợ mình và người đàn bà không làm gì ngoài chịu đựng trong khi đứa trẻ có gắng giết cha của mình. Một hiện thực trần trụi, một hiện thực không được giải quyết sau hai chữ độc lập một hiện thực không được nhìn nhận dưới hai chữ dân chủ bình đẳng. Một hiện thực trái ngược với bức ảnh anh đã định nghĩa nó là nghệ thuật. Nghệ thuật là gì nếu khi đối diện với hiện thực, chúng đổ nát và méo mó. Độc lập là gì nếu chúng chỉ là cái cớ để ta chìm đắm trong những gì đã qua.

Khắc họa hai bức tranh về hiện thực, hai tác phẩm đem đến cho người đọc những điểm nhìn mới và đem đến những thông điệp lịch sử. Có lẽ chỉ dưới cái nhìn của nghệ thuật, những ngày tháng đã qua mới có thể hiện lên toàn vẹn là chính nó với những hiện thực bề nổi và những tiềm lực.

**4. Củng cố:**

**5. HDVN:**

**PHẦN 4: NÓI VÀ NGHE**

**Tiết …: TRÌNH BÀY SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM**

**TRUYỆN, KÍ HOẶC KỊCH**

*Thời gian thực hiện:1 tiết*

GV soạn: Lê Thị Kim Ngân

Trường: THPT Nguyễn Công Trứ, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:** Giúp học sinh trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch.

**2. Về năng lực:**

**1.1. Năng lực đặc thù**

**-** Biết trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch. Biết sử dụng kết hợp phương tiện ngôn ngữ với phương tiện phi ngôn ngữ để nội dung trình bày được rõ ràng và hấp dẫn.

- Nắm bắt được nội dung thuyết trình và quan điểm của người nói; nêu được nhận xét, đánh giá về nội dung và cách thức thuyết trình; biết đặt câu hỏi về những điểm cần làm rõ.

- Coi trọng nhận thức văn học, có chủ kiến trước hiểu biết về nội dung, nghệ thuật. Biết thảo luận về sự tương đồng và khác biệt của hai tác phẩm.

**1.2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: luôn chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập; xác định được nhiệm vụ học tập dựa trên kết quả đã đạt được.

- NL giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

- Năng lực giải quyết vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập.

**3. Về phẩm chất**: Tôn trọng sự khác biệt về quan điểm; trung thực trong nhận xét và đánh giá phần thuyết trình của bạn; có trách nhiệm với bản thân và tập thể trong các hoạt động học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học**

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, phấn/bút lông

- SGK, SGV

- Điện thoại

**2. Học liệu**: phiếu học tập

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Tổ chức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Lớp** | **Ngày dạy** | **Sĩ số** | **Vắng** |
| **12** |  |  |  |

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**3. Bài mới:**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kích hoạt được tri thức nền về bài trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch.

- Xác định được nhiệm vụ nói và nghe cần thực hiện.

**b. Nội dung:**

- Bạn đã biết gì về cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó?

- Bạn muốn biết thêm điều gì về cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó?

- Bạn hãy đọc lướt phần nói và nghe: trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch: Nhiệm vụ HT chúng ta cần thực hiện ở phần nói và nghe này là gì?

- Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS về tri thức nền liên quan đến đặc điểm bài trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch; về nhiệm vụ nói và nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Thực hiện như mục b) Nội dung  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  *-*Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ học sinh.  **B3. Báo cáo thảo luận:**  2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các nhóm HS khác góp ý, bổ sung.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV chốt lại vấn đề  - Ghi nhận điểm tích lũy cho HS trả lời đúng, đầy đủ. | - GV nhận xét, tổng hợp các tri thức nền của HS về cách nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói; cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm và ghi tóm tắt dưới dạng từ/ cụm từ vào vở bài soạn/PHT, dẫn dắt, giới thiệu bài học.  - GV nhận xét và hướng dẫn HS chốt nhiệm vụ nói và nghe. Ở bài học này, HS nói và nghe để luyện tập kĩ năng nghe và nắm bắt ý kiến, quan điểm của người nói khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch; nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó. |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Hoạt động chuẩn bị nói (10 phút)**

**a. Mục tiêu:**

Xác định được những thao tác cần thực hiện để chuẩn bị nói, nghe khi so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch; Nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm được trình bày; cách nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

**b. Nội dung:**

\* Nhóm đôi hs đọc (SGK/ tr. 97, 98) phần hướng dẫn Chuẩn bị nói; để thực hiện những yêu cầu sau: (5 phút)

- Đề tài nói của bạn là gì? Bạn có chọn lại đề tài của phần Viết hay không? Sử dụng chúng như thế nào?

- Mục đích nói của bạn là gì?

- Người nghe của bạn là ai? Họ mong đợi điều gì ở bài nói của bạn?

\* Dựa theo phần hướng dẫn tìm ý (SGK/ tr. 97, 98), xác định những ý cần chuẩn bị cho bài nói.

\* Đại diện 01 HS/nhóm trình bày SP và lý giải khi các bạn nhóm khác có vướng mắc.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời theo nhiệm vụ HT được giao

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Thực hiện như mục b) Nội dung  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  Nhóm HS đọc (SGK/ tr. 97, 98), thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Sử dụng kĩ thuật động não để các nhóm HS thi đua liệt kê những thao tác cần thực hiện chuẩn bị cho việc trình bày ý kiến so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  GV nhận xét thái độ tham gia thực hiện nhiệm vụ HT của các nhóm, hướng dẫn HS kết luận về một số công việc cần thực hiện để chuẩn bị cho việc trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch. | **Những việc cần thực hiện để chuẩn bị cho việc trình bày ý kiến so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch:**  **Bước 1**: **Chuẩn bị nói gồm**:  **1. Xác định đề tài; mục đích nói, đối tượng người nghe, không gian, thời gian nói;**  - Đối tượng người nghe: thầy cô, bạn bè,...  - Mục đích nói: giúp người nghe so sánh, đánh giá được hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch.  - Đề tài: *(Lựa chọn theo đề tài của bài viết)*  + Có thể chọn một trích đoạn tùy bút *Người lái đò sông Đà* (Nguyễn Tuân) và tùy bút *Ai đã đặt tên cho dòng sông* (Hoàng Phủ Ngọc Tường).  + Có thể chọn truyện *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam ) và *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu)  Tư liệu SGK về hai tác phẩm tùy bút và truyện của Nguyễn Tuân, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Thạch Lam, Nguyễn Minh Châu,... tìm ở thư viện hoặc nguồn học liệu trên trang mạng,… |

**2. Hoạt động tìm hiểu cách thức trình bày bài Nói; Nghe so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch (15 phút)**

**a. Mục tiêu:**

Trình bày được cách thức trình bày bài Nói; Nghe trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch.

**b. Nội dung:**

(1) HS đọc phần hướng dẫn bước 2: *Trình bày bài nói* (SGK/ tr.97, 98) và trả lời những câu hỏi sau:

+ Khi trình bày trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch, bạn cần lưu ý những gì?

+ Khi trao đổi với người nghe, bạn cần lưu ý những gì?

+ Tham khảo bảng kiểm ở các bài nói trước để tìm hiểu các tiêu chí đánh giá kĩ năng trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch, xác định những vấn đề chưa rõ cần được giải thích thêm. Bảng kiểm này nên được sử dụng như thế nào cho hiệu quả?

(2) GV yêu cầu HS đặt câu hỏi về những nội dung các em chưa rõ trong quy trình nói.

(3) Đại diện 01 HS/nhóm trình bày SP và lý giải khi các bạn nhóm khác có vướng mắc.

**c. Sản phẩm:**

Câu trả lời của HS về cách thức trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Thực hiện như mục b) Nội dung  **B2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ  **B3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời và nêu câu hỏi (nếu có).  - Các nhóm khác đánh giá sp của nhóm bạn; HS trình bày vướng mắc.  - Đại diện từng nhóm lần lượt giải đáp vướng mắc của nhóm bạn (Nếu có).  - GV quan sát, hỗ trợ.  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  (1) GV nhận xét, kết luận về những lưu ý cần thực hiện khi trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch.  (2) Giải đáp câu hỏi của HS (nếu có)  GV nhận xét câu trả lời của HS và đưa ra gợi ý: | **Những việc cần thực hiện để chuẩn bị cho việc trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch:**  **Bước 2: Trình bày bài nói, gồm:**  **2. Tìm ý và lập dàn ý**  - Nếu chọn vấn đề chung với phần *Viết* thì sử dụng dàn ý đã xác lập ở phần Viết.  - Nếu chọn vấn đề khác với phần *Viết* thì cần lập một dàn ý mới.  *Lưu ý:*  + Khi sử dụng dàn ý cũ hoặc xác lập dàn ý mới cũng cần chỉnh sửa cho phù hợp, thuận lợi với bài nói.  + Dàn bài của bài nói không nên quá chi tiết; cách trình bày cần sáng rõ, cô đúc, dễ theo dõi.  ***Trình bày bài nói:***  - Học sinh dựa vào dàn ý đã được góp ý để trình bày.  - Khi nói cần chú ý: kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ, thái độ của người nghe, điều chỉnh cao độ, giọng điệu cho hợp lý, có sự tương tác với người nghe,...  **3. Luyện tập:**  - HS luyện tập thêm ở nhà: tập cách mở đầu, kết thúc ý kiến, cách nêu ý kiến (thường là bằng câu mang chủ đề), triển khai ý (bằng một số câu cụ thể); tập phát âm to, rõ ràng; tập điều chỉnh cao độ, nhịp độ, tập biểu cảm,...  - HS có thể luyện tập trên lớp theo nhóm đôi, nhóm 04 hs |

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP THU HOẠCH PHẦN NGHE**  **(LẮNG NGHE VÀ GHI CHÉP)**  **BÀI 3**  Họ tên học sinh: ...............................................Lớp: .........................  **1. Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khóa, sơ đồ**  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  **2. Ghi chép tóm tắt đánh giá của người nói về phần trình bày bao gồm nhận xét, góp ý, những vấn đề cần trao đổi thêm.**  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  **3. Ghi lại những câu hỏi liên quan đến trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch nảy sinh trong quá trình nghe.**  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  **4. Dự kiến những điều cần trao đổi về trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch trong phần trình bày của bạn.**  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)**

**Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói – nghe và trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu:**

- Thực hiện được nhiệm vụ nói và nghe.

- Tự đánh giá khi trình bày bài nói trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch; dựa vào bảng kiểm nhận xét và rút kinh nghiệm cho bản thân.

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**b. Nội dung:**

\* HS đọc đề bài, chọn đề bài ở bài học Kỹ năng VIẾT

(1) HS luyện nói theo nhóm đôi. (5 phút)

(2) Đại diện 1 – 2 cá nhân HS trình bày bài nói trước lớp.

(3) Trao đổi, dựa vào bảng kiểm đánh giá lẫn nhau về bài trình bày theo các tiêu chí đã thống nhất từ trước.

**\*** HS được chọn ngẫu nhiên (Lớp PHT bấm chọn số thứ tự từ máy tính cầm tay) trình bày bài nói.

\* Những kinh nghiệm rút ra sau khi thực hiện hoạt động nói và nghe, sau đó trình bày những kinh nghiệm ấy trước lớp.

**c. Sản phẩm:**

- Bài nói trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch và phần phản hồi với người nghe.

- Phần trao đổi với bài nói của người khác, phần trả lời các ý kiến phản biện của người nghe.

- Lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS thông qua bảng kiểm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  Như mục b) Nội dung  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:**  - Trong vai trò người nói: 01 - 02 HS chuẩn trình bày bài nói trước lớp.  - Trong vai trò người nghe: HS nghe phần trình bày của bạn và ghi chép theo mẫu chung (Nộp cho GV để chấm cột điểm KTTX).  - GV quan sát và hỗ trợ.  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Trong vai người nói: HS được chọn ngẫu nhiên (Lớp phó học tập bấm chọn số thứ tự từ máy tính cầm tay) trình bày; sau đó, phản hồi ý kiến của người nghe (nếu có).  - Trong vai người nghe: HS trao đổi với phần phản hồi của người nói. Học sinh hoàn thành và trao đổi sản phẩm với bạn trong cùng bàn. Nộp phiếu ghi chép cho GV.  - 1 – 2 HS trình bày kinh nghiệm rút ra từ việc giới thiệu.  - Các HS còn lại lắng nghe và dựa vào bảng kiểm góp ý, nhận xét.  - GV chốt ý  **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:**  - GV làm rõ vấn đề mà HS chưa rõ.  - GV nhận xét, nhấn mạnh những điều HS cần lưu ý khi thực hiện kĩ năng giao tiếp, hợp tác; cách thức trao đổi, nhận xét ý kiến, quan điểm của người nói | - Trong vai trò là người nói: Hs lắng nghe và ghi chép những câu hỏi hoặc ý kiến góp ý của các bạn về ý kiến của bản thân; giải thích và làm rõ những điều người nghe chưa rõ hoặc có ý kiến khác với mình.  - Trong vai trò người nghe: HS lắng nghe ý kiến của bạn mình; biết nêu câu hỏi hoặc ý kiến góp ý về nội dung, cách diễn đạt ý kiến thảo luận, tranh luận của người nói hoặc yêu cầu người nói giải thích và làm rõ những điều mình chưa rõ hoặc ý kiến có sự khác biệt. |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bảng kiểm kĩ năng trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học  thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch | | | |
| Nội dung kiểm tra | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Mở đầu | Giới thiệu vấn đề so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch. |  |  |
| Nhận xét khái quát về vấn đề được giới thiệu. |  |  |
| Nội dung chính | Trình bày ý kiến đánh giá về vấn đề được giới thiệu. |  |  |
| Phân tích những khía cạnh của vấn đề |  |  |
| Bố cục bài nói rõ ràng, các ý kiến được sắp xếp hợp lí. |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy. |  |  |
| Kết thúc | Tóm tắt được nội dung trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm văn học thuộc các thể loại truyện, kí hoặc kịch. |  |  |
| Nêu vấn đề thảo luận hoặc mời gọi sự phản hồi từ người nghe. |  |  |
| Cảm ơn và chào kết thúc. |  |  |
| Kĩ năng trình bày, tương tác với người nghe | Tương tác tích cực với người nghe trong suốt quá trình nói. |  |  |
| Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của bài nói. |  |  |
| Kết hợp sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ để làm rõ nội dung trình bày. |  |  |
| Phản hồi thoả đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bảng kiểm kĩ năng nghe | | | |
| Nội dung kiểm tra | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị nghe | Liệt kê những gì đã biết và muốn trao đổi khi nghe. |  |  |
| Chuẩn bị giấy, bút để ghi chép. |  |  |
| Lắng nghe và ghi chép | Ghi chép tóm tắt nội dung bài nói dưới dạng từ khoá, sơ đồ. |  |  |
| Phân biệt thông tin quan trọng và thông tin chi tiết bằng các màu mực khác nhau, bằng cách gạch chân thông tin quan trọng. |  |  |
| Ghi lại câu hỏi về những điều chưa rõ trong khi nghe. |  |  |
| Trao đổi, nhận xét, đánh giá | Xác nhận lại ý kiến, quan điểm của người nói trước khi bày tỏ ý kiến cá nhân. |  |  |
| Nhận xét, đánh giá về những điểm thú vị trong ý kiến, quan điểm của người nói. |  |  |
| Khẳng định sự đồng tình với ý kiến, quan điểm của người nói. |  |  |
| Nêu những điều chưa rõ hoặc chưa thống nhất ý kiến với người nói. |  |  |
| Nhận xét về cách trình bày bài nói. |  |  |
| Thái độ và ngôn ngữ | Thể hiện thái độ hợp tác và tôn trọng ý kiến của người nói trong quá trình nghe và trao đổi, nhận xét, đánh giá. |  |  |
| Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu phù hợp khi trao đổi với người nói. |  |  |

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**1. Hoạt động thực hiện nhiệm vụ nói và nghe**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được nhiệm vụ trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch*.*

***b. Sản phẩm:*** Bài ghi nhận quy trình việc trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch.

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:*

(1) HS được phân chia thành 6 – 8 nhóm, mỗi nhóm 4 – 6 HS, các nhóm bầu nhóm trưởng, thư kí và đặt tên nhóm.

(2) Các nhóm tiến hành chuẩn bị nội dung, thống nhất mục tiêu, thời gian và tiến hành hoạt động trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch dựa trên bảng kiểm sau:

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG SO SÁNH, ĐÁNH GIÁ HAI TÁC PHẨM**

**TRUYỆN/ KÍ HOẶC KỊCH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nội dung kiểm tra | | Đạt | Chưa đạt |
| *Mở đầu* | Lời chào ban đầu và tự giới thiệu |  |  |
| Giới thiệu khái quát về hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch cần so sánh (tên tác phẩm, tác giả, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...) |  |  |
| Nêu khái quát nội dung cần so sánh đánh giá |  |  |
| *Nội dung chính* | Trình bày ý kiến so sánh điểm tương đồng của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch |  |  |
| Trình bày ý kiến so sánh điểm khác biệt của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch |  |  |
| Thể hiện ý kiến đánh giá của người nói về phong cách sáng tác của hai của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch |  |  |
| Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu lấy từ của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch |  |  |
| *Kết thúc* | Tóm tắt nội dung so sánh, đánh giá của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch |  |  |
| Nêu vấn đề thảo luận và mời người nghe phản hồi, trao đổi |  |  |

*Lưu ý:* GV nên cho HS thực hiện hoạt động này ở nhà và có thể chuyển bài văn nghị luận đã viết thành bài nói.

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:*

– HS thực hiện chia nhóm và tiến hành hoạt động trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch.

– Thư kí nhóm ghi chép lại quy trình trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch.

*\* Báo cáo, thảo luận:*Các thành viên trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch và quay clip, up lên Google Classroom của lớp. Các HS khác góp ý cho clip của nhóm dựa trên bảng kiểm.

*\* Kết luận, nhận định:* GV góp ý, nhận xét bài trình bày của HS.

**2. Củng cố**

***a. Mục tiêu:***

– Tự đánh giá và đánh giá được quy trình trình bày so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch.

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

***b. Sản phẩm:*** Câu trả lời và lời nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm của HS

***c. Tổ chức thực hiện:***

*\* Giao nhiệm vụ HT:* Mỗi HS trả lời câu hỏi:

*– Nêu hai điều nhóm em đã làm tốt?*

*– Nếu được làm lại, em sẽ điều chỉnh những gì trong clip đã thực hiện?*

*\* Thực hiện nhiệm vụ HT:* HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự: (1) 🡪 (2).

*\* Báo cáo, thảo luận:*Một số HS trình bày câu trả lời trước lớp.

*\* Kết luận, nhận định:* GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ HT của HS trên hai phương diện:

– Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về quá trình làm clip so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch.

– Cách nhận xét, góp ý cho nhóm bạn của HS.

**3. Hướng dẫn về nhà**

***a. Mục tiêu:*** Thực hiện được các bài tập ôn tập trong SGK, tr. 98 ở nhà.

***b. Sản phẩm:*** Kết quả thực hiện các bài tập ôn tập 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 (SGK, tr. 98).

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ HT:* HS thực hiện 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 (SGK, tr. 98)

\* *Thực hiện nhiệm vụ HT:* Cá nhân HS thực hiện bài tập ôn tập ở nhà.

*\* Báo cáo, thảo luận* và

*\* Kết luận, nhận định:*Thực hiện ở tiết *Ôn tập*.

**TIẾT: ÔN TẬP**

**(0.5 tiết)**

GV soạn: Mai Thị Hương Giang

Trường: THPT Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Củng cố kiến thức đã học về văn bản *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, Văn tế Nghĩa sĩ cứu cần Giuộc, Vinh tản viên Sơn, Trên đỉnh Non Tản*
* Củng cố và luyện tập về kĩ năng viết văn nghị luận so sánh, đánh giá, hai tác phẩm truyện, kí hoặc bi kịch
* Củng cố lại kiến thức về kiểu bài, so sánh, đánh giá, hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch

**2. Năng lực**

***Năng lực chung***

* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.
* *Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.
* *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực đặc thù***

* Củng cố kiến thức đã học về văn bản *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, ? Văn tế nghĩa sĩ Cần Guộc, Trên đỉnh Non Tản, Vinh tản Viên Sơn*
* Luyện tập nhắc lại lỗi câu sai logic
* Củng cố lại kiến thức so sánh, đánh giá, hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch*.*

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ, có ý thức ôn tập và hoàn thành bài đầy đủ.

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Đối với học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 12, KHBD lớp 12

- Soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi, chia sẻ cảm nhận về tình yêu thiên nhiên. Đất nước, sông núi, linh thiêng.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS về cảm nhận về về tình yêu thiên nhiên. Quê hương đất nước, sông núi, linh thiêng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi: *Chia sẻ với các bạn cảm nhận của em về tình yêu quê hương, đất nước, sông núi, linh thiêng,*

**Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS liên hệ thực tế, dựa vào hiểu biết của bản thân và chia sẻ trong nhóm.

- GV quan sát, hỗ trợ HS thực hiện (nếu cần thiết).

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận**

- GV mời đại diện 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

- Gợi mở:

**B. CỦNG CỐ KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**a. Mục tiêu:** Thông qua hoạt động, HS củng cố lại kiến thức.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS ôn tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nhắc lại kiến thức chung và chuẩn kiến thức của GV.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| ***Nhiệm vụ 1: Ôn tập văn bản đọc***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm nhỏ (4-6 HS) và thực hiện những yêu cầu sau:  + Tác dụng của yếu tố kì ảo trong *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* và *Trên đỉnh non Tản?*  + So sánh tác dụng của tình huống thách thức trong việc thể hiện, tính cách của các nhân vật Ngô Tử Văn *( Chuyện chức phản sự đến Tản Viên*) và nhân vật cụ phó Sản ( *Trên đỉnh non Tản*)  + Nêu những nét chính về gia trị nội dung, nghệ thuật của `*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc`*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm, vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 3 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới.  ***Nhiệm vụ 2: Ôn tập thực hành tiếng Việt***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:  *+Tìm một số câu mắc lỗi sao logic trong giao tiếp thường ngày và nếu cách sửa?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới.  ***Nhiệm vụ 3: Ôn tập kĩ năng viết văn nghị luận so sánh, tác phẩm truyện, kịch hoặc kí***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:  *+ Viết văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm, truyện, kịch*  *Yêu cầu:* *Thể loại – Đề tài – Cách quan sát miêu tả đối tượng – Cách huy động kiến thức đời sống – Sử dụng ngôn từ – Cái “tôi” trữ tình.*  *- Viết đoạn mở bài và một đoạn thân bài.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới.  ***Nhiệm vụ 4: Ôn tập câu 7***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện những yêu cầu sau:  *Các văn bản đọc hiểu trong bài mang lại cho bạn điều gì mới mẻ, trong nhận thức về non sông, đất nước.?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS vận dụng kiến thức đã học để thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 1 – 2 HS lượt trình bày kết quả thảo luận.  - GV yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV chuyển sang nội dung mới. | **I. Ôn tập văn bản đọc**  **1. Tác dụng của yếu tố kì ảo trong tác phẩm Chuyện chức phán sự dền Tản viên, và Trên đỉnh non Tản.**  - Qua các hành động của nhân vật hay trợ giúp họ tháo gỡ khó khăn, giải quyết xung đột, thay đổi số phận”.  – “Thể hiện một tư tưởng, một thái độ hay quan niệm của tác giả trước những vấn đề của đời sống” và “đằng sau chuyện thần tiên, ma quái rốt cuộc vẫn là chuyện xã hội, con người”.  **2. So sánh của tình huống thách thức trong việc thể hiện, tính cách của các nhân vật.**  \*Sau khi đốt đền, Tử Văn bị giải xuống âm phủ, đối chất với tên giặc phương Bắc trước mặt Diêm Vương> Thể hiện bản lĩnh, khí tiết cứng cỏi của kẻ sĩ qua nhân vật Ngô Tử Văn.  – Thể hiện ý thức dân tộc của tác giả  \*Ông cụ Phó Sần và tốp thợ mộc Tràng Thôn được gọi lên đỉnh non Tản để trùng tu ngôi đền cho thẩn núi Tản Viên và đối mặt với hai thách thức: 1) tài năng về nghề mộc; 2) bảo đảm sự tuyệt mật về những gì chứng kiến, trải nghiệm trong chuyến đi.> Thể hiện sự linh thiêng của đỉnh núi, ngôi đền và Thần Non Tản.  – Thể hiện tài nghệ về nghề mộc, thái độ nghiêm cẩn của cụ phó Sần và tốp thợ mộc Tràng Thôn trước, trong và sau chuyến đi.  – Thể hiện tính chất dai dẳng trong cuộc chiến giữa thần Núi và thần Nước.  **3. Nêu những nét chính về gia trị nội dung, nghệ thuật của văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc**  – *Giá trị nội dung:* Tác phẩm ngợi ca phẩm chất anh hùng, tinh thần xả thân cứu nước của các nghĩa sĩ Cần Giuộc và bày tỏ tình cảm yêu quý, niềm xót thương của nhân dần trước sự hi sinh của các nghĩa sĩ.  – *Một số nét đặc sắc nghệ thuật:*  + Xây dựng hình tượng nghĩa sĩ nông dân yêu nước anh hùng như một tượng đài nghệ thuật trong văn học dân tộc.  + Sử dụng thành công phương ngữ Nam Bộ với từ ngữ, hình ảnh gần gũi với đời sống thường nhật của nhân dân.  + Sử dụng sáng tạo và nâng cao chức năng, sức biểu đạt của văn tế; kết hợp một cách nhuần nhị các yếu tố tự sự, trữ tình, nghị luận trong văn tế.  **II. Ôn tập thực hành tiếng Việt**  **1.Tìm một số câu mắc lỗi sao logic trong giao tiếp thường ngày và nếu cách sửa***?*  - Chúng tôi đã chia tay với tình hữu nghị dạt dào của hai nước Việt Trung .  → Chúng tôi đã chia tay trong tình hữu nghị dạt dào của hai nước Việt - Trung. (sai từ “với")> Qua ba tháng rèn luyện đã nâng cao trình độ của học viên.  → Qua ba tháng rèn luyện, giảng viên đã nâng cao trình độ của học viên.  - Tất cả xà phòng đều làm khô da bạn, riêng LUX làm cho da bạn trắng trẻo, mịn màng.  → Hầu hết xà phòng đều làm khô da bạn, riêng LUX làm cho da bạn trắng trẻo, mịn màng. (sai từ “tất cả")  **2. Phân tích lỗi**: Câu có quan hệ ngữ nghĩa giữa các vế không logic. Cụm từ “sinh ra trong một gia đình giàu có” và “là một cô gái xinh đẹp” không thể đặt trong một quan hệ tương phản như trong ngữ liệu đã cho với cặp từ ngữ liên kết “mặc dù ... nhưng”. Tuy nhiên, “sinh ra trong một gia đình giàu có” và “rất giản dị” thì lại có thể dùng cặp từ ngữ liên kết “mặc dù ... nhưng”.  Cách sửa: Bỏ bớt thông tin “là một cô gái xinh đẹp” hoặc “sinh ra trong một gia đình giàu có”.  (l) *Mặc dù sinh ra trong một gia đình giàu có nhưng Lan lại rất giản dị.*  (2) *Lan là một cô gái xinh đẹp và rất giản dị*.  **III. Kĩ năng viết văn nghị luận, so sánh, tác phẩm truyện hoặc kí.**  -Đây là bài tập thực hành viết.  - GV gợi ý cho HS chọn một quy trình hoạt động hoặc một đối tượng nào đó.  **\* Mở bài:** Giới thiệu hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch và nội dung, vấn đề cần so sánh, đánh giá.  **\* Thân bài**: Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm truyện/ kí hoặc kịch.  **\* Kết bài**: Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.  2. Một số lưu ý khi viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện/kí hoặc kịch.  – Về nội dung: Chỉ ra một số điểm tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm theo yêu cầu của đề bài; kết hợp so sánh với nhận xét, đánh giá về giá trị của hai tác phẩm; phân tích sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm.  – Về hình thức: Đảm bảo các yêu cầu của kiểu bài nghị luận như: sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; lập luận chặt chẽ; sắp xếp luận điểm, lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí; diễn đạt mạch lạc  **IV. Ôn tập kĩ nói và nghe so sánh đánh giá hai tác phẩm truyện, kí hoặc kịch**  – Từ việc đọc VB *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, có thể hiểu thêm: lịch sử đất nước, bên cạnh những trang hiển hách, oanh liệt cũng có những trang bi hùng; việc viết nên lịch sử dân tộc, bên cạnh vai trò của các nhân vật lịch sử, các danh nhân, còn có vai trò của người thường dân như những nghĩa sĩ nông dân Nam Bộ,...  – Từ việc đọc VB *Vịnh Tản Sơn viên, Trên đỉnh non Tản* mang lại nhận thức: Biết bao tên núi, tên sông trên đất nước gắn với những huyền thoại, những câu chuyện linh thiêng, kì thú, rất đáng tìm hiểu và tự hào.  – Từ việc đọc VB *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên, Trên đỉnh non Tản* có thể liên hệ về thái độ cần có của con người khi đối mặt với thách thức trong đời sống theo chủ điểm của bài học: ***Sông núi linh thiêng***  *-* Những điểm lưu ý khi giới thiệu (nói) về hai tác phẩm kịch và kí  + Đưa ra những nhận xét của bản thân.  + Từ ngữ sử dụng đơn giản, dễ hiểu, sinh động.  + Sử dụng kết hợp với các phương tiện phi ngôn ngữ, kết hợp trình chiếu để bài nói sinh động, hấp dẫn.  + Trao đổi, tương tác với người nghe trên tin thần cầu thị.  - *+* Tìm hiểu trước về bài thuyết trình.  + Tập trung lắng nghe, nắm bắt và ghi chép những nội dung chính và quan điểm của người nói.  + Đánh dấu những điểm mới mẻ, thú vị hoặc những điểm cần trao đổi.  + Có thái độ lịch sự, đúng mực khi trao đổi. |

**B. HOẠT ĐỘNG TRÌNH BÀY KẾT QUẢ PHẦN *TỪ ĐỌC ĐẾN VIẾT***

***a. Mục tiêu:*** Trình bày được sản phẩm *Từ đọc đến viết* đã chuẩn bị ở nhà.

***b. Sản phẩm:*** Sản phẩm đoạn văn (khoảng 200 chữ) về sức hấp dẫn của yếu tố kì ảo trong tác phẩm văn học.

***c. Tổ chức thực hiện:***

\* *Giao nhiệm vụ HT:* Cá nhân HS trình bày đoạn văn đã viết ở nhà.

\* *Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận*: 1 – 2 HS trình bày đoạn văn đã viết.

\* *Kết luận, nhận định:*GV và HS cùng nhận xét dựa trên bảng kiểm sau:

**BẢNG KIỂM KĨ NĂNG VIẾT ĐOẠN VĂN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Đạt | Chưa đạt |
| Đảm bảo được cấu trúc của đoạn văn |  |  |
| Đảm bảo được độ dài của đoạn văn |  |  |
| Xác định được chủ đề của đoạn văn |  |  |
| Triển khai được nững nội dung chính của đoạn văn |  |  |
| Chữ viết, chính tả, dùng từ đảm bảo tính chính xác |  |  |
| Sáng tạo |  |  |

**5. HĐVN**

Hoàn thiện bài tập, chủ động ôn tập lại phần kiến thức bài 3, soạn và chuẩn bị **bài 4 – Sự thật và trang viết (Phóng sự/Nhật kí).**